

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

## **LỜI NÓI ĐẦU**

### **1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI**

Hiện nay, công nghiệp cơ khí đã trở thành một ngành công nghiệp sản xuất quan trọng và phát triển mạnh mẽ cho các ngành kinh tế khác. Công nghiệp cơ khí hiện nay đã trở thành một ngành công nghiệp hiện thành tựu và có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, công nghiệp cơ khí hiện nay vẫn còn có nhiều hạn chế và cần phải có những biện pháp để phát triển công nghiệp cơ khí mạnh mẽ, sự phát triển của ngành công nghiệp cơ khí vừa là nền tảng vừa là động lực cho sự phát triển kinh tế khác nhau trong xã hội, nó còn có tác động tích cực đến ngành dịch vụ thông qua sự phát triển của mạng lưới phân phối, thu hút số lượng lao động xã hội, tham gia vào quá trình phân công lao động và hợp tác quốc tế.

Phát triển công nghiệp cơ khí sẽ cho phép các nước tiết kiệm được những khoản ngoại tệ lớn để đầu tư vào các ngành khác. Trong những năm gần đây Việt Nam đã nhập khẩu bình quân hàng năm là trên 10 triệu USD cho công nghiệp cơ khí, đây là một thách thức mạnh cạnh tranh của nguồn nhân lực của các nước đang phát triển.

Hiện nay, công nghiệp cơ khí đã trở thành một ngành công nghiệp quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Công nghiệp cơ khí hiện nay đã trở thành một ngành công nghiệp hiện đại hóa, hiện đại hóa mà nội dung là xây dựng nền kinh tế mà sản phẩm của nó chủ yếu dựa vào công nghệ hiện đại.

Hiện nay, công nghiệp cơ khí đã trở thành một ngành công nghiệp quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Công nghiệp cơ khí hiện nay đã trở thành một ngành công nghiệp hiện đại hóa, hiện đại hóa mà nội dung là xây dựng nền kinh tế mà sản phẩm của nó chủ yếu dựa vào công nghệ hiện đại.

Hiện nay, công nghiệp cơ khí đã trở thành một ngành công nghiệp quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Công nghiệp cơ khí hiện nay đã trở thành một ngành công nghiệp hiện đại hóa, hiện đại hóa mà nội dung là xây dựng nền kinh tế mà sản phẩm của nó chủ yếu dựa vào công nghệ hiện đại.

Hiện nay, công nghiệp cơ khí đã trở thành một ngành công nghiệp quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Công nghiệp cơ khí hiện nay đã trở thành một ngành công nghiệp hiện đại hóa, hiện đại hóa mà nội dung là xây dựng nền kinh tế mà sản phẩm của nó chủ yếu dựa vào công nghệ hiện đại.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

đặt ở vị trí quan trọng và từng bước

khí Việt Nam đã

à đáp ứng đến hơn

50% nhu cầu của nền kinh tế. Hiện nay, cùng với quá trình mở cửa nền kinh

ột làn sóng đầu tư ồ ạt

thiết bị đóng tàu, lắp ráp ô tô...) của Việt Nam đã bắt đầu tìm được những đối

tác chiến lược

à lắp ráp thiết bị cơ

ở vật chất kỹ

thuật và nguồn nhân lực yếu nên sản phẩm cơ khí của ngành công nghiệp cơ

- giá trị kim ngạch thấp,

ên vật liệu, máy móc thiết bị

ph

ên chất lượng sản phẩm

th

trường xuất khẩu và chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn so với ngành công

ng nghiệp cơ khí thế giới.

Xu hướng toàn c

ại Thế giới (WTO) cũng sẽ phải

ơ khí để tạo động lực cạnh tranh trên

thị trường

ơ khí nói riêng và các

ngư

ên cần giảm tỷ lệ lao động nông

ớt qua

những rào cản phức tạp trên hay

ơ

ên cứu đó chỉ tập trung vào việc khảo

sát m

à chưa đặt địa vị

Việt Nam trên trường

ng kết cụ thể

theo từng nhóm ngành. Đi

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

ợc hoàn thiện. Nhân thức được tầm quan trọng của vấn đề này, em đã chọn đề tài nghiên cứu **“Phát triển ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế”** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

## **2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU**

Hiện nay, có rất nhiều đề tài khoa học nghiên cứu về sự phát triển Công nghiệp cơ khí. Cụ thể là đ n phẩm năm 2005, “Đánh à đề xuất giải pháp phát triển ngành cơ khí giai đoạn 2000-2010” c Nam, “Đánh giá trình độ khoa học Nam” của TS. Nguyễn Đình Trung, Viện nghiên cứu cơ khí- năm 2005. Nhìn chung các đề tài trên đ nghiệp cơ khí trước thời kỳ hội nhập kinh tế Quốc tế mà chưa có một đề tài cụ thể nào đánh giá chung về to Vì vậy, theo những thông tin có được thì đề tài *“Phát triển ngành Công ”* là đề tài duy nhất đề cập một cách toàn óng phát triển Công nghiệp c

## **3. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU**

➤ Sơ lược về sự phát triển của ngành công nghiệp cơ khí Thế giới, xu thế thương mại hóa toàn cầu.

không? Liệu ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam có thể đứng vững và làm tròn nhiệm vụ của một ng điều mà Chính phủ và bản thân các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam rất quan tâm. Từ trước đến nay, đã có r công nghiệp cơ khí Việt Nam.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

➤ Đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao khả năng phát triển cho ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam

#### **4. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

##### **a. Đối tượng nghiên cứu:**

Khóa luận nghiên cứu lí luận v  
cơ khí Việt Nam

##### **b. Phạm vi nghiên cứu**

➤ Thời gian: Nghiên cứu thực trạng hoạt động của ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam trong những năm gần đây cụ thể từ năm 1998- 2008

➤ Không gian: Nghiên cứu thực trạng phát triển của ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam và một số bài học kinh nghiệm từ các nước trên thế giới.

#### **5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

án trên cơ sở  
phương pháp luận về duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mac- Lênin, các phương pháp toán thống kê, phương pháp phân tích tổng hợp, ph  
một số phương pháp kinh tế khác.

#### **6. KẾT CẤU CỦA KHÓA LUẬN**

Danh mục hình. K

**Chương 1: Một số vấn đề lý luận liên quan đến sự phát triển ngành công nghiệp cơ khí**

**Chương 2: Thực trạng phát triển ngành Công nghiệp cơ khí Việt Nam.**

**Chương 3: Định hướng và gi  
cơ khí Việt Nam đến năm 2020.**

*Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

## PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ

## ề giới

### 1.1.1 Vài nét sơ lược về quá trình phát triển công nghiệp cơ khí Thế giới

Nền công nghiệp cơ khí Thế giới đã có một lịch sử phát triển lâu đời.

ời ông là nhân

ơ khí nước Anh, nơi khởi nguồn cho

Với

sự ra đời của Động cơ bằng hơi nước đầu tiên trên thế giới năm 1765 của

ước Anh đã có một diện mạo mới thay

thể cho nền công nghiệp cơ khí vốn đang còn rất thô sơ . Dựa vào nguyên lý

của James Watt, công nghệ chế tạo máy móc của nước Anh phát triển nở rộ

ời sản xuất

àn ren. Nhờ đó,

ngành cơ khí lắp ráp được hàng lo

ư là:

ốc được chế tạo thành công. Đây

đư

Năm 1801, ngành công nghiệp c

Jaka là áp d

ã được lập trình mà

còn sơ khai, nhưng có ý nghĩa mở đường cho hướng tự động hóa trong ngành

cơ khí kể từ đó.

Năm 1805, động cơ hơi nư

mở ra triển vọng lớn cho ngành giao thông vận tải. Mười năm sau, năm 1815,

Lacnec phát minh ra ống nghe và ngay sau đó ngành cơ khí sản xuất thiết bị

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

cho ngành y tế, bắt đầu phát triển mà khởi đầu là sản xuất hàng loạt ống nghe cho bác sĩ

ường cho ngành  
đã đưa ra thị  
trường với hàng loạt      ã hội.

Năm 1929, nhờ có loại động cơ hơi nước công suất lớn, người ta đã chế  
sử dụng đầu tiên cho cuộc cách  
mạng trong ngành giao thông đường bộ. Cũng phải nói thêm rằng, mới đầu,  
chiếc xe lửa này được chạy trên đường bộ và phải có một người đàn ông khỏe  
mạnh chạy trước đầu tàu để hô hoán, dẹp đường, báo cho khách bộ hành tránh  
xa đi      y nên chỉ ít lâu sau loại  
“đầu tàu xe hỏa chạy bằng động cơ hơi nước đi trên đường bộ” phải đình chỉ  
ho      ởng kỹ  
thuật mới: cho tàu hỏa chạy trên đư  
xe hỏa đầu tiên chạy trên đường ray ra đời, nối hai thành phố của Anh là  
chúng của hai thành phố này.

ốc công suất lớn lần đầu  
tiên ra đời. Ngay sau đó, nó đã lập được kỷ lục: Vượt Đại Tây Dương đi từ  
châu Âu sang châu Mỹ. Ngành cơ khí đóng tàu còn có thêm một sáng tạo  
đáng nhớ nữa, đó là năm 1810 đã ch  
đ      ầu tiên đã được áp dụng kỹ  
thuật này.

Có thể nói, ngành công nghiệp cơ khí phát triển mạnh đã tạo ra cuộc  
“cách m      ệc trong hoạt động kinh tế – xã  
ột cách  
nhìn khái quát riêng, họ cho rằng: trên thế giới đã và đang diễn ra 3 cuộc  
cách mạng khoa học công nghệ mà trong đó cơ khí đóng vai trò then chốt.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

- *Cuộc cách mạng thứ nhất:* Nổ ra đầu tiên ở nước Anh vào khoảng gi động thủ công bằng sử dụng máy móc. Nó còn được gọi là bư ớc làm tăng năng suất lao động.

- *Cuộc cách mạng thứ hai* c ực điện, phát minh động cơ đốt trong, điện khí hóa.

- *Cuộc cách mạng thứ ba:* ứng dụng rộng r ả công nghệ thông tin, vật liệu mới, công nghệ sinh học, hạt nhân, công nghệ vũ trụ...

**1.1.2 Những xu hướng chính trong ngành công nghiệp cơ khí Thế giới**

- *Quốc tế hoá quá trình sản xuất sản phẩm cơ khí* ầu hoá kinh tế, trư cơ khí điện tử và công nghệ thông tin. Do quá trình đổi mới kỹ thuật diễn ra thông tin... có thể được phân bố sản xuất ở nhiều nước, làm cho mỗi nước có thể phát huy ưu thế của mình về mặt kỹ thuật, giá thành lao động và nguồn tài ùng trở thành “ sản phẩm quốc tế ” mang nhãn hiệu nhiều nước, tạo ra gi ền chính các công ty đa quốc gia tầm vóc lớn này th Quốc Tế hoá rất rõ ràng.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

V

ở

của chính phủ các nước này, hoạt động

c ng lại chuyển thành dung

ày đã góp phần đẩy

nhánh tiến trình phân công quốc tế và toàn cầu hóa kỹ thuật.

- Xu hướng dịch chuyển của thị trường sản xuất sản phẩm cơ khí

Thế kỷ 21 là thời đại mà quan hệ quốc tế đa cực, tiêu dùng đa dạng, kinh tế toàn cầu và tự do thương mại, tiến bộ Khoa học Công nghệ và xã hội thông tin, coi trọng bảo vệ môi trường khiến cho vị trí của ngành cơ khí chế tạo được các nước sản xuất c

- Sản phẩm mang tính toàn cầu hóa
- Giảm chu kỳ tuổi thọ sản phẩm
- Nhu cầu sử dụng đa dạng
- Thị trường lớn và có tính cạnh tranh cao
- Tin học hóa và trí tuệ hóa mọi khâu trong sản xuất và lưu thông
- Tăng cường ý thức bảo vệ môi trường

Với như  
như M

ầu Thố giới  
ợng

ường nước mình đồng thời  
ờng mới nổi với mục đích tạo tính  
toàn cầu hóa, giảm chi phí sản xuất, tận dụng nguồn lao động dồi dào giá rẻ  
ờng tiếp tục đầu tư vào hoạt động  
ờng mới nổi bao gồm: các nước châu  
M à các thị trường khác ở Nam Á.

- *Hoạt động Mua lại và Sáp nhập*

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

Hiện nay, hoạt động mua lại và sáp nhập trong ngành công nghiệp cơ khí toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ, dẫn đến sự xuất hiện của các tập đoàn lớn hàng đầu thế giới đã kết hợp lại với nhau, cùng hợp tác. Hoạt động này được nhìn nhận là một xu hướng tất yếu của Mỹ (GM, Ford, Chrysler) để mở rộng thị trường hợp đã thiết lập những chiến lược hợp tác kinh doanh với các nhà sản xuất ô tô ở

vị trí trên thị trường Mỹ. Gần đây nhất, vào đầu năm 2009, hiệp hội các đại lý tiêu thụ xe tại Mỹ (AIADA) thông báo hãng sản xuất xe Trung Quốc- Geely mua lại Volvo của Ford trong nỗ lực muốn mở rộng phạm vi ảnh hưởng trên thị trường ô tô quốc tế trong thời kỳ khủng hoảng. Nếu thương vụ này thành công, thương hiệu xe quốc tế thay vì tập trung vào thị trường Trung Quốc.

● *Xu hướng liên kết giữa cơ khí và điện tử tạo thành lĩnh vực cơ khí điện tử – Cơ điện tử*

Cơ điện tử là khái niệm ra đời tại Nhật Bản xuất phát từ nhu cầu phát triển các sản phẩm cần công nghệ tích hợp liên ngành giữa cơ khí, điện, điện tử, công nghệ thông tin và điều khiển hệ thống. Sự tích hợp này tạo nên một công nghệ mới, trong đó có sự chuyển biến về chất của tư duy công nghiệp mà trọng tâm là tư duy công nghệ tạo nên đổi mới và xúc tiến các phương pháp giải quyết những vấn đề kỹ thuật tổng hợp. Công nghệ này đã tạo ra nhiều sản phẩm mới và đã cung cấp giải pháp tăng hiệu quả và tính năng của thiết bị công nghiệp, dân dụng. Từ đó đến nay, cơ điện tử đã phát triển không ngừng, nhất là khi kỹ thuật vi xử lý ra đời đã làm cho cơ điện tử có vai trò quan trọng trong khoa học và công nghệ. Sản phẩm cơ điện tử ngày càng tích hợp trong nó nhiều công nghệ cao hơn, mức độ thông minh ngày càng mạnh

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

và kích thước ngày càng được rút gọn. Đây là ngành rất quan trọng và không thể thiếu trong sự phát triển của khoa học kỹ thuật hiện đại.

***1.1.3. Thương mại quốc tế trong ngành công nghiệp cơ khí Thế giới***

Sự phát triển của thương mại quốc tế trong ngành công nghiệp cơ khí đã thu hút sự chú ý của các nhà hoạch định hính sách để hoạch định các chiến lược kinh doanh. Thương mại quốc tế trong ngành công nghiệp cơ khí điển hình nhất và dễ nhận thấy nhất là thương mại quốc tế trong lĩnh vực sản xuất và lắp ráp ô tô. Vào năm 1980, tại Mỹ phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các nhà sản xuất ô tô nước ngoài. Đặc biệt là từ nhà sản xuất Nhật Bản. Sự suy giảm của nền công nghiệp ô tô nội địa cộng thêm sự gia tăng về nhập khẩu ô tô từ Nhật Bản khiến chính phủ Mỹ đã phải đưa ra các chính sách để bảo hộ nền sản xuất nội địa, trong đó chủ yếu là áp dụng hạn ngạch. Trong giai đoạn khủng hoảng dầu, nhiên liệu dùng cho xe ô tô sản xuất tại Nhật có nhu cầu cao ở Mỹ. Thêm vào đó, ba tập đoàn ô tô lớn của Mỹ lại không mấy mặn mà trong việc sản xuất ô tô cỡ nhỏ đã làm cho nhu cầu nhập khẩu xe từ Nhật Bản tăng mạnh. Những ước tính vào năm đầu 1980 mỗi năm các nhà sản xuất xe ô tô Nhật thu về 5 tỷ USD từ hạn ngạch nhờ việc bán những loại xe ô tô nằm trong hạn ngạch giá cao. Các nhà sản xuất ô tô chính của Nhật Bản như Toyota, Honda, Nissan đã vượt qua những rào cản hạn ngạch để đầu tư vào thị trường Mỹ. Ngược lại với các nhà sản xuất Nhật Bản, các công ty ô tô Mỹ chủ yếu phục vụ cho thị trường nội địa. Trong giai đoạn áp dụng hạn ngạch, khi các nhà sản xuất Nhật giảm giá xe tại thị trường Mỹ khiến các nhà sản xuất ô tô nội địa không có khả năng cạnh tranh. Nhờ vào năng suất sản xuất cao, Nhật Bản đã giành được quy mô đáng kể mà các nhà sản xuất ô tô nội địa Mỹ không thể đạt được. Hiện nay các nhà sản xuất ô tô của Mỹ đang thực hiện tái cơ cấu ngành, bắt đầu đầu tư tại nước khác nhằm lấy lại thị phần toàn cầu. Trong khi đó, các quốc gia Đức, Nhật Bản, Canada nổi lên như là những nhà xuất khẩu chính vào thị trường Mỹ.

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

Có phần khác biệt hơn so với Mỹ và Nhật Bản, nước Đức không dựa vào thị trường hay hạn ngạch mà d  
triển. V ào tình trạng khủng  
ho  
cao, cạnh tranh mạnh từ các nước có lương thấp. Nhưng ngành kỹ nghệ lớn này của Đức, với 900.000 nhân công, đ  
khẩn đ ành nào mà sự trang bị  
trước sự toàn cầu hóa tốt hơn ngành cơ khí chế tạo máy. Khoảng 19% xuất  
khẩu máy móc trên th ền nhất  
là ngành cơ khí nước này không bị ảnh hưởng mạnh bởi đồng Euro có nghĩa  
là ngành cơ khí Đức không bị ảnh hư  
nhà sản xuất của Đức đ  
có thể giảm được phí tổn sản xuất mạnh như thế nào. Quan trọng hơn cả giá  
c  
cấp. Nhiều nhà máy cơ khí Đức cung cấp sản phẩm mà những sản phẩm này

năm. Theo Ralph Wichers- chuyên gia của VDMA- thì khi mà khách hàng và  
nhà cung cấp đ  
hàng có thể chuyển sang nơi khác. Do vậy, các nước dùng đô la không có  
khả năng nào khác hơn là mua tiếp máy móc Đức vì tại nước họ lúc đó không  
có một nhà máy cơ khí  
Dolmar tại Hamburg – ờn trực-  
ã tìm cách mua  
kho ớc dùng  
đồng đô la. H ình với nhau. Bên cạnh  
tài kho ệc  
uyên chuyển hơn. Qua đó, h  
triển nền kinh tế. Ngày nay, các hãng cơ khí Đức đưa dây chuyền sản xuất  
sang các nư ày. Theo  
thống kê, cứ bốn hãng thì có một hãng đưa nhiều phần sản xuất ra nước ngoài.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

Hơn một nửa các hãng đ

sản phẩm từ các nư

Thyssen-Krupp Uhde hay SMS Demag đã lên kế hoạch tại Trung Quốc và Ấn

Độ. Các nư

ược sức thu hút mạnh đối

với Đức.

## 1.2

## ơ khí

### 1.2.1 Khái niệm về ngành Công nghiệp cơ khí

Theo từ điển Encarta , Công nghiệp là một bộ phận của nền kinh tế, là lĩnh vực sản xuất hàng hóa vật chất mà sản phẩm được "chế tạo, chế biến" cho nhu cầu tiêu dùng ho

ho

các tiến bộ công nghệ, khoa học và k

của công nghiệp là

ật

thể) tạo ra trở thành hàng hóa"

chuyên sâu khi đạt được một quy mô nhất định sẽ trở thành một ngành công

máy tính, công nghiệp điện

Điều này cho thấy hoạt động công nghiệp là vô cùng đa dạng, vì vậy có rất nhiều cách phân loại công nghiệp:

- Theo mức độ thâm dụng vốn và tập trung lao động: Công nghiệp nặng

ngành nghề sản xuất khác) và công nghiệp nhẹ (công nghiệp sử dụng nhiều ời tiêu dùng cuối cùng).

- khí, công nghiệp ô ơng, công nghiệp tàu thủy...

- ương, công nghiệp trung ương...

- Anh và Hoa Kỳ không có m ại dựa vào hoạt

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

ngành kinh tế của hai nước này,  
khu vực thứ hai của nền kinh tế. Theo  
Colin Grant Clark – nhà kinh tế học người Anh thì khu vực thứ hai của nền  
khu vực thứ nhất để gia công,  
chế biến thành những sản phẩm hoàn chỉnh và phù hợp cho người tiêu dùng

hai là các ngành chế tạo máy và xây dựng.

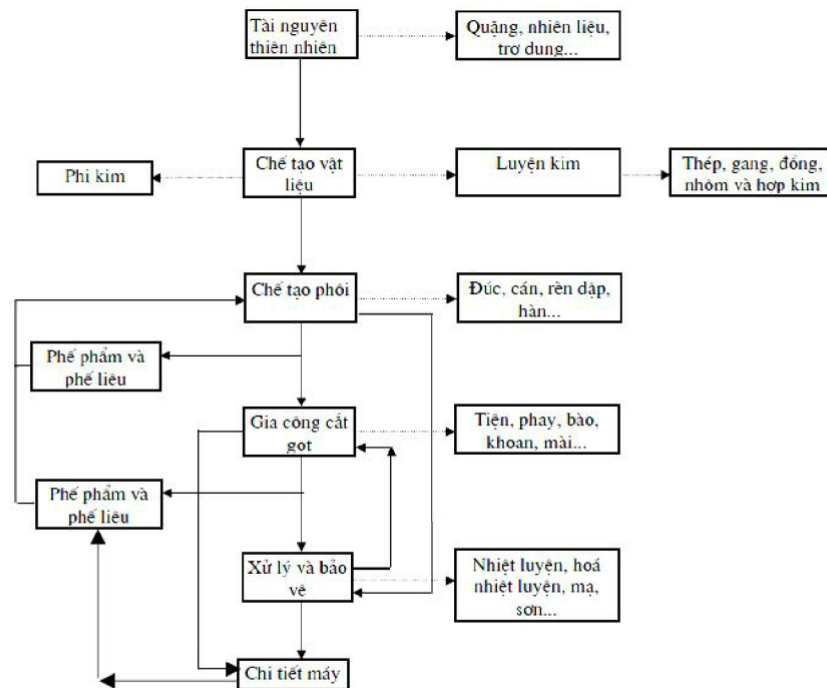
Như vậy, dựa vào cách phân lo

Wikipedia, **Công nghiệp c**

**ngành công nghiệp thuộc khu v**

**của Anh và Mỹ).** Do đó, ngành Công nghiệp này gắn liền với quá trình sản  
xu

ản xuất chế tạo đó bao gồm nhiều  
công đoạn khác nhau được tóm tắt như sau:



**Hình 1: Sơ đồ quá trình sản xuất cơ khí**

(Nguồn: Giáo trình cơ khí Đại Cương)

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

Giải thích một số thuật ngữ trong mô hình trên:

- Phôi ước chỉ vật phẩm được sản xuất

khác. Ví dụ: quá trình đúc, là quá trình rót kim loại lỏng vào khuôn, sau khi kim lo ợc một vật đúc kim loại có hình dáng kích thước theo yêu cầu. Những vật đúc này có thể là: - Sản phẩm của quá trình đúc. - Chi tiết đúc: nếu như không cần gia công cắt gọt nữa. - Phôi

trong trường hợp n

công cơ khí. Hiện nay các ph ơ khí  
bao gồm đúc; gia công áp lực (rèn, dập) và hàn, cắt kim loại bằng khí, hồ  
quang điện, tia lửa điện, ladc.

- Chi tiết máy là đơn vị

nó là không thể tách ra được và đạt mọi yêu cầu kỹ thuật. Chi tiết máy được  
 uộc tạo ra cuối cùng của một cơ sở sản  
 xuất.Hai hay nhiều chi tiết máy đư

máy nhất định (liên kết động hay liên kết cố định) được gọi là bộ phận máy.

B ợc gọi là cơ cấu máy. Ví dụ:

đ

### 1.2.2 Một số tiêu chí đánh giá sự phát triển Công nghiệp cơ khí

M

c i

trường trong nước và qu      ớc đó được

người dân đón nhận, được nước ngoài quan tâm đặt hàng nhập khẩu. Phạm trù

[illegible]

kinh tế, môi trường và hành vi của

ong và hiệu quả từ mục tiêu thắng



*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

nay, các quốc gia thường đánh giá trình độ phát triển Khoa học Công nghệ qua bốn thành tố T(techware)- kỹ thuật, H(humanware)- con người, I(infoware)- thông tin và O (organware)- tổ chức.

▲ *Thành tố kỹ thuật – Technoware (T)*

Thành tố kỹ thuật là thành tố dùng để đánh giá các công cụ và các phương ti

thiết bị) v

- H

theo thiết kế của máy móc thiết bị.

- H

ược

xây dựng một cách cục bộ hoặc hoàn toàn trong thành phần Thiết bị. Trong một vài trường hợp, nó có thể không có trong thành phần này. Hệ thống gồm ba giai đoạn: nhận biết – phân tích – xử lý.

▲ *Thành tố con người- Humanware (H)*

Thành tố con ngư

mặt con ngư

cơ bản:

-

là nguồn gốc giá trị thị trường của các loại hàng hoá.

- Con ngư

ọ có khả

năng suy nghĩ, phân tích, sáng tạo v

sung túc, giàu có.

- Năng suất lao động của con người có thể tăng hoặc giảm do môi trường làm việc.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

▲ *Thành tố thông tin – infoware (I)*

Thành tố thông tin (infoware) là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Dù có tổ chức tốt, “Con người” là yếu tố quan trọng nhất trong cơ sở “Thông tin, tài liệu”. Infoware được chia làm ba loại:

- *Infoware* là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp và cải tiến.

- Thông tin chuyên về con người: thông tin về những hiểu biết và đánh giá về con người và cách sử dụng.

- *Infoware* là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp và cải tiến. *Technoware* và *Humanware*.

▲ *Thành tố Tổ chức Orgaware (O)*

*Orgaware* là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp và cải tiến. Nó có thể được chia thành hai loại: *Orgaware* và *Humanware*. Nó có thể được chia thành hai loại: *Orgaware* và *Humanware*. Nó có thể được chia thành hai loại: *Orgaware* và *Humanware*.

1.2.2.2 Tiêu chí về vốn

Vốn là một trong những nhân tố sản xuất, tùy theo mức độ vốn mà người lao động được sử dụng những máy móc, thiết bị...nhiều hay ít (tỷ lệ vốn trên mỗi lao động) và tạo ra sản lượng cao hay thấp. Vốn không chỉ là máy móc, thiết bị do tư nhân đầu tư cho sản xuất nó còn là vốn cố định xã hội, những thứ tạo tiền đề cho sản xuất và thương mại phát triển. Để có được vốn, phải thực hiện đầu tư nghĩa là hy sinh tiêu dùng cho tương lai. Điều này đặc biệt quan trọng trong sự phát triển dài hạn, thực tế cho thấy những quốc gia có tỷ lệ đầu tư vốn cao thường có được sự tăng trưởng cao và bền vững trong phát triển Công nghiệp cơ khí- một ngành công nghiệp đòi hỏi thời gian đầu tư lâu dài và kiên trì.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

#### 1.2.2.3 Tiêu chí về nguồn nhân lực

Chất lượng và kỹ thuật

c

Hầu hết các yếu tố khác như v

hoặc vay mượn đư

Các yếu tố như máy móc thiết bị, nguyên v

có thể phát huy đư

độ văn hóa,

có sức khỏe v

hủy nhưng những nước có nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn có thể phục hồi  
 ớc Đức, "một lượng  
 lớn vốn của nước Đức bị tàn phá trong Đại chiến thế giới lần thứ hai, tuy  
 nhiên vốn nhân lực của lực lượng lao động nước Đức vẫn tồn tại. Với những  
 kỹ năng này, nước Đức đ  
 ớc Đức thời  
 hậu chiến."

#### 1.2.2.4 Tiêu chí về chất lượng sản phẩm cơ khí

Để đánh giá chất lượng của sản phẩm cơ khí, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều áp dụng Tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. “Tiêu chuẩn là một tài liệu kỹ thuật do một cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành nhằm đưa ra những nguyên tắc và hướng dẫn mang tính tự nguyện áp dụng về những đặc tính của sản phẩm, quá trình hoặc phương pháp” - Ts Steven.R.Wilson. Tiêu chuẩn sản phẩm với yêu cầu chất lượng cao đã thúc đẩy sự đổi mới công nghệ

uối.Các hệ thống thông tin công nghệ, năng lực cung cấp dịch vụ, chất lượng dịch vụ và khả năng đổi mới sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp là những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn các hệ thống thông tin để lựa chọn các hệ thống thông tin để

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

d  
rộng nhanh mạng lưới và đa dạng  
hoá các loại hình dịch vụ. So với các ngành công nghiệp khác, vai trò của TCH đối với ngành cơ khí chế tạo máy đã thể hiện khác rõ nét hơn. Ví dụ bulông, đai ốc có cùng kích thước lại không lắp lẫn được với nhau, xích xe đạp được chế tạo tại Trung Quốc hoặc Nhật Bản lại không lắp được với các xe đạp chế tạo tại Việt Nam hoặc đầu máy xe lửa chế tạo tại Ấn Độ lại không chạy được trên đường sắt của Trung Quốc hoặc bất kỳ quốc gia nào khác. Hệ thống TCH trước đây chỉ áp dụng phần nhiều cho các chi tiết, cụm chi tiết nhỏ lẻ và một số thiết bị máy móc công nghiệp cơ khí truyền thống (VD: các máy gia công kim loại bằng cắt gọt, máy động lực, các phương tiện cơ giới giao thông đường bộ, các máy móc thiết bị điện...) Hiện nay, do tác dụng và lợi ích của nó đã mang hiệu quả và ý nghĩa kinh tế không nhỏ, hệ thống TCH trong ngành Cơ khí Chế tạo không còn bó hẹp như trên nữa. Một ví dụ đơn giản t kể các hệ thống thiết

bị cơ khí, có thể đơn giản và giảm bớt từ 10 đến 15% khối lượng công việc do sử dụng các chi tiết và cụm chi tiết được tiêu chuẩn, được thống nhất. Trong công nghiệp chế tạo cơ khí, quá trình lắp ráp và đặc biệt việc thay thế sửa chữa các phụ tùng cơ khí đòi hỏi sử dụng tiêu chuẩn, không thể thiếu tiêu chuẩn và thực hiện công tác tiêu chuẩn hoá khá cao, hiệu quả mang lại có ý nghĩa kinh tế tốt. Tiêu chu

tiêu chu  
 ản. Trong đó tiêu chuẩn  
 chính ISO 9001: Hệ thống quản lý chất lượng, các yêu cầu, nêu ra các yêu cầu  
 đối với hệ thống quản lý chất lượng m  
 sản xuất sản phẩm cơ khí của mình.

**1.3 S** **ơ khí**

Thứ nhất, Công nghiệp cơ khí là ngành công nghiệp then chốt, là nền tảng cho sự phát triển kinh tế. Như chúng ta đã biết, vào những năm 80 của



*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

động trong ngành cơ khí cũng chiếm hơn 10% tổng số người lao động toàn quốc. Điều này cho thấy, nếu công nghiệp cơ khí không phát triển sẽ dẫn tới hàng loạt người lao động trong ngành cơ khí không có việc làm. Hơn nữa, do đặc thù là tạo động lực thúc đẩy cho các ngành công nghiệp khác, khi ngành cơ khí kém phát triển, các ngành công nghiệp khác cũng sẽ trì trệ theo, nhu cầu người lao động ngày càng giảm mạnh. Do đó, phát triển mạnh Công nghiệp cơ khí sẽ giải quyết được phần lớn vấn đề việc làm cho người dân lao động.

*Thứ tư, phát triển Công nghiệp cơ khí tạo nguồn thu ngoại tệ.* Một quốc gia với nền cơ khí mạnh sẽ có khả năng tự chủ sản xuất không những ường nhập khẩu mà còn xuất khẩu mạnh sang các nư ợng ngoại tệ đổ vào trong nư àng cao giúp chính phủ có thể điều tiết được tỉ giá hối đoái trên thị trường và ổn định nền ền không nên để cho đ 100 yên tới 120 yên trên một Đôla Mỹ là vừa. Nếu khi thấy Đôla Mỹ xuống thấp (99 yên đổi được một đô la Mỹ), Ngân Hàng Trung Ương Nhật Bản sẽ ợc lại, nếu thấy giá đồng yên xuống quá, Trung Ương N ể nâng giá đồng Yên lên. Với tầm quan trọng đặc biệt như đ khí có vai trò đ



*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

lực. Trong đó, phụ tùng xe đạp là 3 năm, ô tô chở 10 người trở lên kể cả lái xe là 5 năm, tàu vận chuyển ngư ợng cơ có công suất trên 30CV là 6-7 năm.

số mặt hàng sau: ô tô có tay lái nghịch (kể cả dạng tháo rời và dạng đã chuyển đổi tay lái trư  
lo  
qua sử dụng, động cơ đốt trong đã qua sử dụng có công suất dưới 30CV, xe  
tùng trư  
phép của các cơ quan chức năng.

Tại phụ lục D1 về lịch trình bãi bỏ hạn chế về quyền kinh doanh nhập khẩu

gian để b -5  
năm và thời gian để bãi bỏ hạn chế về quyền phân phối các sản phẩm công  
nghiệp cơ khí là 5-7 năm.

Như vậy, thời gian bảo hộ ngành công nghiệp cơ khí trong nước theo BTA chỉ đư  
doanh nhập khẩu), và năm 2008 (đối với hoạt động phân phối)

#### 1.4.1.2 Cam k

Hiện nay, mức thuế quan đã được giảm xuống còn 0-5% đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang các nước ASEAN-6. Các thành viên mới của ASEAN là những nước tham gia muộn nhất, do đó mức thuế quan đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang các nước này vẫn còn cao, khoảng 10-15%.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

hàng xuống còn 5%

2008, Campuchia vào năm 2010. Mức thuế quan 0% cho các nước ASEAN-6 được thực hiện trước năm 2010, còn đối với Việt Nam, Lào, Myanmar và Campuchia là trước năm 2015, một số mặt hàng nhạy cảm có thể gia hạn trước năm 2018.

1.4.1.3 Cam kết trong khu vực thương mại tự do ASEAN- Trung Quốc

Vào ngày 12.6.2006, Bộ Tài chính đã ban hành quyết định 35/2006/QĐ-BTC về việc ban hành danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi

hàng hóa ASEAN- Trung Quốc. Theo đó 9.133 mặt hàng sẽ tham gia thực hi  
ới mức thuế suất ACFTA theo đúng  
lộ trình giảm thuế của năm 2006 đã  
ại  
hàng hóa và Biên bản ghi nhớ.

1.4.1.4 Cam kết với Tổ chức Thương mại Thế Giới WTO

ệt Nam phải  
tuân th

- Hàng hóa, dịch vụ, đầu tư.
- Quyền nhập khẩu hàng hóa, quyền kinh doanh.
- Quyền về thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Xóa bỏ lệnh cấm nhập khẩu ô tô cũ đã qua sử dụng hợp pháp.
- Xóa bỏ cơ chế hai giá từ 31/12/2005.

Về việc cắt giảm thuế nhập khẩu sản phẩm cơ khí, theo chương 84 và 85 của Biểu thuế cam kết WTO về các thiết bị cơ khí, máy phát điện, thiết bị điện, các bộ phận của chúng. Việt Nam phải thực hiện cam kết cắt giảm thuế suất thuế suất đối với các loại động cơ đốt trong là 15-45 % tùy theo từng loại công suất và dung tích xi lanh. Bộ phận máy nén và quạt không khí giảm xuống còn 15-30% riêng bộ phận lọc không khí vẫn giữ nguyên mức thuế 5%.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

Thuế suất đối với máy điều hòa 15-30%, máy nông nghiệp 5-7%, các loại máy giặt là 7-15%, máy phát điện 20-25%. Một số loại máy phát điện đã đánh thuế nhập khẩu 0-10% vẫn được giữ nguyên mức thuế.

Theo chương 87 của Biểu thuế cam kết WTO đối với các loại xe ô tô, xe máy, xe đạp và thiết bị phụ tùng của chúng. Một số loại xe nhập khẩu như xe ô tô nguyên chiếc chở người có khoang chở hành lý, xe ô tô 4 bánh, xe scooter, xe mô tô địa hình giảm thuế suất từ 100% xuống còn 70%. Xe đạp hai bánh và các loại xe đạp khác giảm từ 80% xuống còn 45%. Các loại phụ tùng cho xe ô tô, xe đạp giảm xuống còn 25-45%. Riêng đối với xe cho người tàn tật không bị đánh thuế.

Theo chương 89 của Biểu thuế cam kết WTO đối với các loại tàu thủy, thuyền. Các loại tàu thuyền để vận chuyển hàng hóa và người giảm thuế từ 15% xuống còn 10%. Các loại tàu thuyền đã bị đánh thuế từ 0-10% vẫn giữ nguyên mức thuế này.

Cũng theo Biểu thuế cam kết WTO trên, Việt Nam cam kết đến năm 2014 sẽ cắt giảm hết các mặt hàng được cam kết. Trong đó, có một số mặt hàng có thời gian thực hiện cắt giảm đến cuối năm 2009 như máy quạt máy nén công suất thấp, đến cuối năm 2010 như các bộ phận lắp ráp xe đạp.

Về trợ cấp hàng công nghiệp cơ khí, Việt Nam đồng ý bãi bỏ hoàn toàn các loại trợ cấp bị cấm theo quy định WTO như trợ cấp xuất khẩu và trợ cấp nội địa hóa. Tuy nhiên với các ưu đãi đầu tư dành cho hàng xuất khẩu đã cấp trước ngày gia nhập WTO, Việt Nam được bảo lưu thời gian quá độ là 5 năm.

***1.4.2 Cơ hội và thách thức đối với ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam trong tiến trình hội nhập***

---

*ơ khí Việt Nam*

Hội nhập kinh tế Quốc tế mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội phát triển cho nền kinh tế

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

riêng. Đó là tạo ra những điều kiện thuận lợi để tiếp cận nhanh chóng các nguồn vốn đầu tư, công nghệ hiện đại và thị trường toàn cầu nhằm thúc đẩy phát triển. Trong đó, ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam cũng có những cơ hội phát triển rất lớn đó là:

*Thứ nhất là có điều kiện để tiế*

*độ công nghệ quốc gia, có thời cơ để*

*“Đi tắt đón đầu” trong một số lĩnh vực.*

*Thứ hai là*

*ào tạo,*

*nâng cao năng lực, trình độ của lực lượng nghiên cứu khoa học công nghệ và thiết kế trong nước.*

*Thứ ba là có khả năng mở rộng thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm*

*cơ khí mới, c*

*phụ tùng máy móc thiết bị...*

*Thứ tư là*

*ổi mới*

*doanh nghiệp, đổi mới phương th*

*năng lực cạnh tranh của mình..*

*Hiện nay, Việt Nam- một nước đang phát triển, nếu hội tụ đủ những điều kiện kinh tế xã h*

*nắm được thời cơ và chọn đúng đư*

*ngắn có thể biến đổi từ lạc hậu thành tiên tiến. Đặc biệt, với lợi thế về nguồn nhân lực và lợi thế của nước đi sau trong một khu vực mà khoa học công*

*ngành cơ khí Việt Nam trên cơ sở phát huy những thành tựu đã đạt được cùng*

*ội phát*

*ược những thành tích to lớn*

*hơn nữa, góp phần đắc lực v*

*nước.*

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

1.4.2.2 Thách thức đối với ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam

Nam Á và đứng trước xu thế to

hết sức

khắc nghiệt, cụ thể là:

*Thứ nhất là*

ngành cơ khí của Việt Nam dù đã có thời gian phát triển lâu dài, gần như song song với các quốc gia nói trên. Nhưng hướng đi sai lầm trong nhiều năm, tốc độ chậm hơn so với Singapore, thậm chí trong hơn 10 năm qua, lượng vốn đổ vào đầu tư cho ngành Công nghiệp cơ khí Việt Nam tăng không đáng kể so với Trung Quốc – m ngày càng nhiều vốn đầu tư nước ngoài. Ví dụ điển hình và dễ nhận thấy nhất

ph

Bên c

thị trường ô tô. Điều này đ  
kiện, phụ tùng ô tô của nước này sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam với mức thuế suất thấp, ưu đãi, tác  
Việt Nam.

*Thứ hai là Việt Nam đ*

Thương m

Việt Nam phải đối m

Các thành viên WTO gây

ờng Quốc tế.

ủa



*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

động. Trong đó phát triển nhất là các ngành: đồ điện, điện tử, bán dẫn, lọc dầu và sản xuất dàn khoan, sửa chữa, đóng tàu, lắp ráp ô tô và các thiết bị khác cho ngành giao thông vận tải, sản xuất các mặt hàng cho ngành xây dựng.

- *Thời kỳ 1981 đến nay:* Đây là thời kỳ tập trung phát triển các ngành có vai trò quyết định sự thành công của chương trình Công nghiệp hóa. Đó là các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, sử dụng lao động có đào tạo chuyên sâu như sau: cơ khí chế tạo máy, luyện kim, chế tạo thiết bị chính xác cho hàng không- vũ trụ, máy điện tử, thiết bị tự động hóa.

Sự phát triển vượt bậc trong ngành Công nghiệp cơ khí Singapore qua 2 giai đoạn này phần lớn nhờ vào những chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp hóa cơ bản như sau:

*Thứ nhất là vai trò điều tiết của Chính phủ.* Khi tách khỏi Liên bang Malaysia, cả nước Singapore chỉ có tất cả 8 xí nghiệp công nghiệp thuộc quy mô lớn và trung bình. Mặc dù vậy, một mặt với thị trường chưa đến 2 triệu dân của Singapore thì dù chỉ ngần ấy cơ sở thôi cũng đã trở nên chật hẹp cho sự phát triển. Mặt khác, xuất phát từ tình hình của nền kinh tế Thế giới cũng như điều kiện trong nước lúc bấy giờ, mà chính phủ Singapore đã quyết định phải có một bước chuyển hướng cơ bản từ nền sản xuất hàng hóa thay thế nhập khẩu, sang chiến lược Công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu.

Chính phủ Singapore đề ra mục tiêu cho quá trình công nghiệp là phát triển  
ai thiện đời sống nhân dân, tự do  
hóa thương mại, tạo môi trường chính trị- xã hội ổn định.

Có thể nói, việc lựa chọn và thực hiện thành công chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu là chìa khóa mở ra quá trình phát triển kinh tế Singapore. Đây là điều kiện để nền kinh tế Singapore ngày càng gắn bó chặt chẽ hơn với nền kinh tế Thế giới. Nền kinh tế Thế giới vừa là thị trường rộng lớn tiêu thụ các sản phẩm của Singapore, vừa là nguồn cung cấp các yếu tố cần thiết nhất là vốn và kỹ thuật cho sản xuất của Singapore phát triển. Thực hiện chiến lược này, Chính phủ Singapore đồng thời tạo ra những chiếc cầu nối liên sản xuất củ  
ững

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

khả năng cho đầu tư và xây dựng các dự án có quy mô lớn, làm tiền đề cho sự phát triển công nghiệp.

Theo cách so sánh của Ngân hàng thế giới WB, Singapore được xếp vào nhóm các nước có nền kinh tế hướng ngoại mạnh mẽ. Cũng theo đánh giá của WB thì nhóm các nước này luôn dẫn đầu về tốc độ tăng GDP, và có tỷ lệ lạm phát bao giờ cũng ở mức thấp nhất so với các nước khác.

Việc chuyển đổi từ chiến lược sản xuất hàng hóa thay thế nhập khẩu sang chiến lược Công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu đã làm xuất hiện thêm nhiều ngành nghề mới mà trong đó Chính phủ có vai trò quan trọng trong việc hình thành và tài trợ cho các xí nghiệp thuộc các ngành nghề mới. Khi cần thiết, Chính phủ quyết định cho ngừng hoạt động một số ngành nghề tỏ ra không phù hợp với yêu cầu phát triển.

n ngành nghề của giai đoạn đầu tiên

n các

ngành sản xuất hàng xuất khẩu. Chẳng hạn, tất cả các xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu đều được ưu tiên vay vốn và được giảm thuế. Đối với những xí nghiệp sản xuất thuộc lĩnh vực quan trọng, cần thiết phục vụ xuất khẩu được Chính phủ giành cho một số ưu đãi riêng, gọi là chế độ đối với các xí nghiệp tiên phong.

*Thứ hai là Chính sách tài chính tiền tệ.* Chính phủ Singapore đã rất thành công trong việc đề ra các chính sách để hình thành và thúc đẩy hoạt động khá hiệu quả một thị trường tài chính tiền tệ.

Về đối nội, Chính phủ Singapore chủ trương mở rộng các hoạt động tài chính, ngân hàng làm đòn bẩy thực hiện các mục tiêu kinh tế cơ bản mà họ đang theo đuổi là:

- Cho phép các ngân hàng có quyền tự quyết định mức lãi suất của ngân hàng mình.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hành chứng khoán.





***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

Nhà nước; mặt khác, Hàn Quốc cũng là một trong những quốc gia nghèo đói nh  
ài tình trạng này lâu dài, đầu  
năm 1953, Chính phủ Hàn Quốc đã quyết định tự giám sát vai trò của mình  
và chỉ đảm đương những chức năng mà khu vực tư nhân mặc dù có thể phát  
triển mạnh cũng vẫn chưa thể thay thế được như: Nhà nước vẫn giữ chức  
năng v  
chủ yếu chỉ mang tính gợi ý và khuy  
lệnh”.

Hơn nữa, Nhà nước cũng tiến hành các chính sách nhằm giảm bớt sự  
can thiệp của mình

đạo luật chống  
độc quyền và buôn bán trung th      ầu  
trong ngành Công nghiệp cơ khí để giải tỏa sự mất cân đối trước đây. Nhà  
nước vào giai đoạn n      và các  
nguồn lực khác để tạo cơ cấu Công nghiệp cơ khí theo kế hoạch mà tận dụng  
sự hình thành cơ cấu cho các lực lượng thị trường. Thị trường sẽ quyết định  
bộ phận nào đang và sẽ được thịnh vượng. Đây là điều khác biệt của Hàn  
Quốc so với các nư      c biệt này, các  
doanh nghiệp cơ khí đ      ơ khí,  
tích cực liên kết với nhau để học hỏi và trao đổi thông tin, đầu tư mạnh vào  
hoạt động nghiên cứu phát triển  
trường.

*Thứ hai là Chính sách thị trường.* Để giải quyết bế tắc là sự hạn chế về  
thị tr      àn Quốc đã đổi mới căn bản  
phương pháp Công nghiệp hóa  
triển cơ khí dựa vào thị trường nội địa chuyển sang lấy xuất khẩu làm động  
lực cho tăng trưởng kinh tế và Công nghiệp. Cụ thể là cuối năm 1960, Hàn  
Quốc b      ằng cách ban hành hàng

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

loạt các luật và quy định có liên quan và lập ra những chương trình phát triển hướng tới xuất khẩu cho các doanh nghiệp công nghiệp cơ khí đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong đó phải kể đến Luật cơ sở Công nghiệp vừa và nhỏ, Luật đẩy

à nh

ng nghiệp cơ khí vừa và nh cơ khí vừa

và nhỏ. Các luật này có quy định rõ vai trò điều tiết của Nhà nước, qua đó Nhà nước

ài chính, công nghệ và marketing; hỗ trợ

triển khai sử dụng phương ti

ng h ếp

cơ khí quy mô nh ày. Những dự

định phát triển như dự định xâm nhập thị trường quốc tế, liên kết với các nước để sản

xuất của các doanh nghiệp cơ khí cũng được đưa ra trao đổi rộng rãi tại các hiệp hội

hỗ trợ như Hội vì s

hợp tác Công nghiệp đóng tàu để khai thác các khía cạnh khác nhau trên thị trường

nước ngoài.

*Thứ ba là Chính sách tạo vốn cho nền kinh tế.* Chính phủ Hàn Quốc đã nhận thấy rằng một doanh nghiệp cơ khí muốn phát triển được phải có đủ năng lực về vốn. Do đó, để tạo vốn, Chính phủ đã lập quỹ đầu tư toàn quốc để đáp ứng nhu cầu rất lớn về vấn đề vốn lãi suất thấp cho doanh nghiệp cơ khí. Nhà nước cũng nhanh chóng thành lập các quỹ riêng để cho vay với lãi su

phẩm của các ngành Công nghiệp cơ khí như Quỹ dùng máy móc trong nước, Quỹ dùng nhà máy chế tạo cơ khí trong nước, Qu

móc và Ngân hàng xuất khẩu. Ngoài ra, Nhà nước còn tiến hành các biện pháp đẩy

lùi đầu tư nhỏ lẻ, đầu tư vào các ngành tiêu dùng nhiều lao động và chỉ khuyến khích

đầu tư với quy mô lớn vào các ngành Công nghiệp nặng điển hình là Công nghiệp cơ

khí, chỉ có đầu tư vào các công ty nước ngoài mới nhận được chế độ ưu đãi.

Để nhanh chóng tổ chức được các doanh nghiệp cơ khí mới trong điều kiện tư

bán tư nhân vẫn còn y ơ khí, Nhà

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

nước đã trực tiếp đầu tư xây dựng các đơn vị mới hoặc độc lập hoặc liên doanh với các mức vốn khác nhau: 100% vốn, trên 50% vốn và dưới 50% vốn.

*Thứ tư là Chính sách đào tạo nguồn nhân lực.* Đào tạo nguồn nhân lực là một phương tiện để thúc đẩy nhanh quá trình Công nghiệp hóa- hiện đại hóa của Hàn Quốc, giúp nước này có thể rút ngắn khoảng cách so với các cường quốc cơ khí như Đức, M . Do vậy, chính sách đào tạo nguồn nhân lực rất được chú ý, Nhà nước đã vạch những chiến lược cụ thể cho nguồn nhân lực của mình bằng cách khuyến khích học hỏi và tạo môi trường làm việc thuận lợi nhất có thể. Đầu năm 1970, một số lượng lớn kỹ sư và cán bộ được cử ra nước ngoài để làm ch ào tạo tại chỗ nhằm giúp Nhà nư ơ khí bắt kịp các thông tin v à nâng cao khả năng sử dụng các công nghệ này.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

## **NGHIỆP CƠ KHÍ VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

### **2.1 Sơ lược về quá trình ra đ Nam**

#### **2.1.1 Thời kỳ trước năm 1975**

Thời kỳ trước năm 1975, các xí nghiệp cơ khí chỉ là những đơn vị thực hiện nhiệm vụ kế hoạch do cấp trên giao, vật tư cho sản xuất vốn liếng, đầu tư phát triển do Nhà nư

Nhà nư

ơ khí thời gian này chủ yếu được

phân ra 2 giai đoạn chính.

- *Giai đoạn 1955 - 1964: xây dựng cơ sở ban đầu cho cơ khí - bước khởi đầu đúng hướng.*

Sau hoà bình lập lại, c lượng tập trung ở Hà Nội, Hải Phòng; thời đó chỉ có một số cơ sở sửa chữa nhỏ và sản xuất hàng kim khí, xe đạp và một vài loại máy cỡ nhỏ, một hai xưởng quân giới từ chiến khu chuyển về, vài tập đoàn cơ khí do cán bộ miền Nam tập kết

Ngay từ năm 1955 Chính phủ đã tranh thủ các nước Xã hội chủ nghĩa giúp (XHCN) xây dựng công trình làm với Liên Xô mà thời đó thường được gọi là Cơ khí trung quy mô. Các nhà máy cơ khí trung quy mô được coi là hình mẫu của chế tạo máy

bản; nó còn đư

à cơ sở

chế tạo máy đầu tiên đư

qu

độ tốt cho cơ khí; sản phẩm của nhà

máy (tiện, khoan, bào) đã đáp

ờng

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

trang bị cho cơ khí trong giai đoạn khôi phục kinh tế và cải tạo công thương nghiệp và chu -1965).

Năm 1960-1964, xuất hiện thêm một số cơ sở sửa chữa độc lập và phân xư ảm

am (Trung Quốc), tuy nhiệm vụ của các cơ sở này là sửa chữa và làm phụ tùng nhưng do cơ ngơi bề thế, trang bị phong phú và có nhiều máy lớn nên được coi là có

gây dựng được các nhà máy: chế tạo bom Hải Dương máy làm đất theo sau máy kéo, động c ở nhỏ, chế tạo thiết bị lè, đá mài, hàng quy chế. Thành phố Hà Nội và Hải Phòng tổ chức các cơ sở sản xuất: máy rèn d

àn, xe đạp, đồ điện dân dụng... Các Bộ, ngành khác cũng đều xây dựng cơ khí để sản xuất một số trang bị chuyên ngành cho nhu cầu của mình: sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu công trình, tàu lu và máy làm đường và xây d

bơm nư ụ từng ô tô gầm bệ, nồi hơi áp, phụ tùng cho ngành giấy - d ị từng ô tô gầm bệ, nồi phim, máy in... Số lượng các nhà máy cơ khí nhờ nước ngoài giúp đỡ được ớc tự tổ chức thuộc loại có tên tuổi vào khoảng 30-40 đơn vị.

Giai đoạn này đ - cơ khí Ngành, cơ khí trung ương - cơ khí địa phương và Nhà nước rất quan tâm công tác quy ho ơ khí toàn miền Bắc lần thứ I (1961) đã đặt ra yêu cầu ban hành Tiêu chuẩn Nhà nước cho cơ khí, việc này sau đó đã được thực hiện.

Nhận xét tổng quát về C ớc các sản phẩm cơ khí thông dụng, tổ chức sản xuất theo hướng chuyên môn hoá.

*Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

- Giai đoạn 1964 - 1975: Cơ khí thời chống chiến tranh phá hoại đến cơ khí thống nhất đất nước; phát triển ở tất cả cơ khí ở các Tỉnh.

Vào thời gian này cơ khí được nhận định là ngành có thể tiếp tục phát tri  
 ên ở mức độ và phạm vi nhất định), tập  
 trung phục vụ nông nghiệp v  
 ch

Giai đoạn này, do đặc điểm phải phân nhỏ của chương trình sản xuất nông cụ thường và cải tiến và trang bị cho các điểm cơ khí nhỏ, tập trung làm 1965-

4 nông cụ và trang b

ơ khí nhỏ gồm các máy tuốt lúa, ơm và đầu máy diezen); việc sản xuất

**K** ên đã tăng cường lực lượng cơ khí cho tất cả các Tỉnh; mỗi huyện được tăng cường 1 xưởng cơ khí - rèn để làm nông cụ, mỗi một Tỉnh được đầu tư 1 cơ sở được gọi là "Cơ khí Tỉnh" công suất

nhập tỉnh thì có tỉnh được 2 cơ sở); các cơ sở này trang bị vận năng na ná như nhau để sản xuất máy cơ khí nhỏ và phần nào xé cái tiền.

M ược chú ý phát triển trong thời  
chiến là: động cơ diesel, phụ tùng ô tô, đóng góp và sửa chữa phương tiện  
vận tải đường sông, máy bơm nước, và máy công cụ. Thời kỳ này đã nâng  
c ơ khí Kiến thiết) và gây dựng  
thêm m

ược coi là biện

có s

ề phương diện nhận và  
ình xí nghiệp được gọi là Cơ khí



***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

Trong khối XHCN, Liên Xô đã  
hàng lo  
1 vạn tấn phụ tùng thay thế, máy rèn ép cỡ vừa và lớn (đến 1600 tấn) 250 cái,  
tùng ô tô 6.000  
tấn, đá mài 1 vạn tấn.

Ngoài khối XHCN thì những năm 1975 – 1976, nước ta tiến hành đi  
thăm dò các nước tư bản

Mạch là động cơ thủy cỡ lớn, với CHLB Đức là cơ khí nặng; nhưng cũng  
không có đủ lượng nhà máy quá ít ỏi.

***2.1.3 Thời kỳ từ năm 1991 đến 2006***

Cơ khí trong kinh tế thị trường - nước  
phát triển mới.

- *Giai đoạn 1990 - 1995*: Từ 1988 xóa bỏ cơ chế bao cấp, cơ khí không  
còn có tên trong danh mục đầu tư của Nhà nước. Tình cảnh hụt hẫng, khó  
khăn doanh nghiệp càng lớn, đông người  
phải là ngoại lệ. Sản phẩm lạc hậu, chất lượng thấp khó tiêu thụ, thiếu việc  
làm phổ biến, sản xuất cầm chừng và sa sút dần, thu nhập thấp, đội ngũ cán  
bộ kỹ thuật và công nhân giỏi mỏng dần, đỉnh điểm sa sút là vào những năm  
1988, sản lượng giảm trên một  
nửa. Đây là thời kỳ cơ khí lâm vào khủng hoảng, mất phương hướng và gần  
như bị lãng quên.

Nhưng cơ khí lực lượng mới bắt đầu  
xuất hiện và tăng mạnh từ 1995 trở về sau - đó là các doanh nghiệp có vốn  
đầu tư nước ngoài (FDI) lắp ráp ô tô, xe máy và từ năm 1995 tiếp tục phát  
triển thêm nhiều cơ sở sản xuất phụ tùng xe máy - ô tô, xe đạp, dây điện - dây  
cáp, kỹ thuật điện, kết cấu kim loại và hàng phi tiêu chuẩn cỡ lớn, bơm nước,



*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

phê duy

mục đầu tư để Chính phủ tập trung sức hỗ trợ bằng các chính sách ưu đãi về vốn đầu tư, mua thiết kế v

Lực lư

ảo, được trang bị và có

loại thiết bị, dây chuyền chế biến. Các Viện nghiên cứu cơ khí cũng chuyển biến, từ bỏ cách nghiên cứu cơ khí cũng chuyển biến, từ bỏ cách nghiên cứu suông mà đã gia nhập thị trường, tạo được các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao và điều đáng ghi nhận là đã gắn chặt kết quả nghiên cứu với sản xuất công nghiệp. Có thể coi từ năm 1996 đến năm 2000 là thời kỳ hồi phục và phát triển trở lại của cơ khí.

## 2.2 Thực trạng phát triển ngành Công nghiệp Cơ khí Việt Nam từ khi gia nhập WTO đến nay

### 2.2.1. *Th*

## ành cơ khí Việt

*Nam*

Theo thống kê của Tổng cục Thống kê, hiện nay, bình quân một doanh nghiệp có vốn ĐTNN có 90 thiết bị so với bình quân một cơ sở cơ khí trong nước chỉ có 3 thiết bị công nghệ. Giá trị trung bình 01 thiết bị công nghệ của

## 01 thiết bị của cơ sở cơ khí trong nư

năng lực sản xuất và trình độ công nghệ của các doanh nghiệp có vốn ĐTNN cao hơn nhiều lần so với các cơ sở trong nước (Tuy nhiên nếu lấy 8 doanh nghiệp cơ khí quì trình độ, năng lực chênh lệch không nhiều).

Giai đoạn 2007-

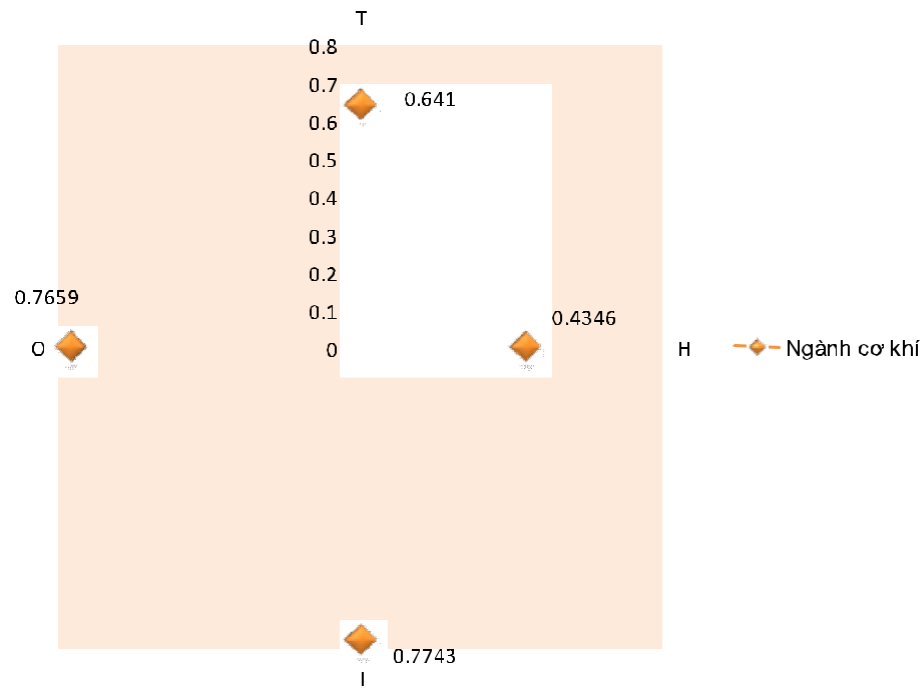
ốc đẩy mạnh đầu

nghiệp cơ khí tập trung đầu tư các lo



*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

toàn quốc.



*ơ khí Việt Nam*

*(Nguồn: vima.com.vn).*

g đó các

thành

phần T (Technoware), O (Organware)

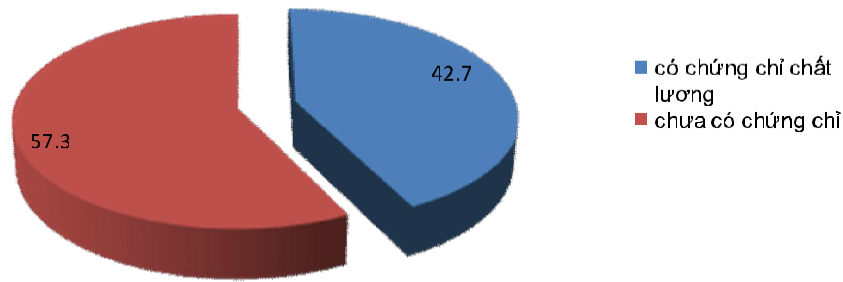
thành phần H (Humanware) đạt thấp. Trong tổng cộng 96 doanh nghiệp được khảo sát, c

theo nhận xét của

ngân hàng Thế giới WB, điều đó cho thấy trình độ công nghệ của ngành cơ khí Việt Nam nhìn chung vẫn còn thấp, không lạc hậu nhưng cũng chỉ đạt mức trên trung bình là chủ yếu.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

trung đ điều  
hàng hoạt động sản xuất kinh doanh đã được chuẩn hoá.

 $H_i$ 

### nh 3: Tỷ lệ Doanh nghiệp cơ khí Việt Nam đạt chuẩn chất lượng

(Nguồn: Số liệu Tổng cục Thống kê )

trong ngành công nghiệp cơ khí chiếm đến trên 42,7%, trong khi đó trung bình cả nước chỉ đạt trên 33%. Điều này cho thấy ngành công nghiệp cơ khí là ngành có trình độ công nghệ và kỹ thuật tiên tiến khác.

### 2.2.2 *Th*

- **Vốn đầu tư:** Tổng vốn đầu tư của ngành cơ khí đến hết 2008 là 15.354.530 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng hơn 16% tổng vốn đầu tư toàn ngành công nghiệp (95,597.4 tỷ

ngành). Tuy nhiên, về đầu tư

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

cho t

của ngành công nghiệp cơ khí.

Vốn đầu tư của các cơ sở sản xuất cơ khí trong nước quá nhỏ so với

đương 3,7 triệu USD – giá 1994), vốn đầu tư bình quân của một cơ sở cơ khí  
– giá 1994), gấp

thiết bị công nghệ, nếu vốn đầu tư b

các cơ sở cơ khí trong nư

nghệ của các cơ sở cơ khí có vốn đầu tư nước ngoài là 133.400 USD, gấp 11  
lần vốn đầu tư của các cơ sở trong nước.

nước ngoài vào ngành cơ khí cò

• **Hiệu quả đầu tư:** Ngành công nghiệp cơ khí là ngành đạt hiệu quả  
cao nhất trong các ngành công nghiệp chủ yếu, bình quân lợi nhuận/vốn toàn  
ngành đạt 14,21% gấp hai lần so với bình quân chung của toàn ngành công  
ơ khí, nhất là các loại

– xe gắn máy). Việc thu

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

hút đầu tư vào các d

quả thường thấp, vốn đầu tư lớn.

- Quy mô trang bị vốn bình quân/1 lao động là 564,2 triệu đồng là một trong những ngành có suất đầu tư lớ

p(814,32 triệu/lao

động so với 332,93 triệu/lao đ

**Bảng 1: Đánh giá hiệu quả đầu tư Công nghiệp cơ khí**

| Danh mục             | Vốn đầu tư<br>(Trđồng) | VA/GO<br>(%) | Năng suất<br>VA/LD<br>(Trđồng) | Vốn/LĐ<br>(Trđồng) | LN/Vốn<br>(%) |
|----------------------|------------------------|--------------|--------------------------------|--------------------|---------------|
| Toàn ngành<br>CN     | 95.597.400             | 32,955       | 99,71                          | 332,93             | 7,8           |
| Ngành Cơ khí         | 15.354.530             | 32,76        | 193,7                          | 564,2              | 14,21         |
| Trung ương           | 320.698                | 39,40        | 82,16                          | 289,9              | 5,2           |
| Địa phương           | 95,871                 | 33,62        | 54,86                          | 286,13             | 4,81          |
| Ngoài quốc<br>doanh  | 773.226                | 25,71        | 32,63                          | 92,3               | 4,42          |
| Đầu tư nước<br>ngoài | 14.164.735             | 33,16        | 280,93                         | 814,32             | 18,98         |

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu Cục Thống kê.)

- Tổng giá trị gia tăng (VA) của ngành đạt 5270,2 tỷ đồng. Tỷ lệ giá trị gia tăng/giá trị sả

ới bình

quân chung toàn ngành công nghiệp. Điều này cho thấy sản xuất cơ khí vẫn mang tính gia công phục vụ lắp ráp và sản xuất đơn chiếc. Tuy nhiên, trong

cao nhất do sản xuất các s

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

lớn nhưng giá trị gia tăng c  
lắp ráp là chủ yếu.

- Năng suất lao động tính theo giá trị gia tăng VA đạt 193,7 triệu đồng/1 lao động, gấp gần 2 lần năng suất lao động chung của toàn ngành công nghiệp

chỉ đạt 4-5% mà thôi.

cao, trong đó tập trung

của các ngành này rất cao, từ 15% - 27%. Đối với các lĩnh vực khác nhìn chung hiệu quả cũng chỉ đạt 8 – 10%, thấp nhất là lĩnh vực cơ khí phục vụ nông nghiệp 4 – 6%.

**2.2.3 Th**

**ành Cơ khí Việt Nam**

Lao động ngành cơ khí cả nước đến hết năm 2008 là 500.000 người, chiếm 12% lao động toàn ngành Công nghiệp. Cơ cấu lao động so với toàn ngành công nghiệp có xu hư

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

-

năm 2006-2008 đạt 2,1%/năm,

2005, lao động ngành này  
nghịệp quốc

cơ sở dạy nghề của Nhà nước hoặc tư nhân được phép đào tạo. Số công nhân  
b

-

của ngành cơ khí tăng mạnh

c doanh

đều đ

Việc xác định trình độ tay nghề, bậc thợ hầu như chưa được chú trọng.

-

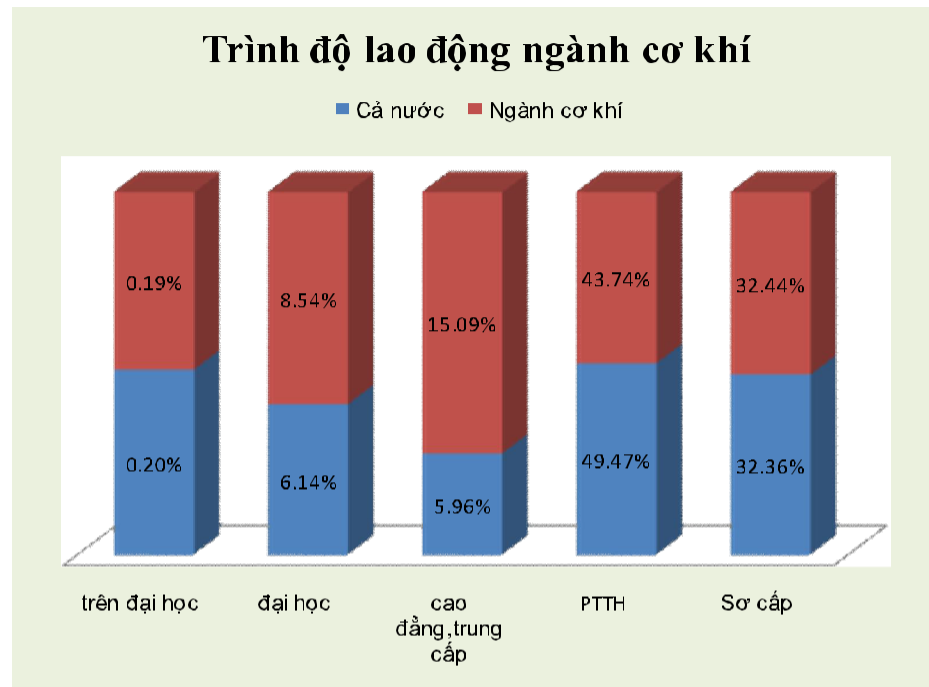
o hoặc trực tiếp

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

ng nghiệp chỉ

đào tạo lại trong doanh nghiệp.

Theo báo cáo kết quả đề tài “Điều tra đánh giá trình độ công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ”, trình độ lao động cả nước và của ngành cơ khí như sau:



**Hình 4:**

(Nguồn: Bộ Khoa học và Công nghệ)

Khi kh

6,34% có trình độ đại học và sau đại học, số lao động ở trình độ sơ cấp và phổ  
Hơn nữa, doanh nghiệp chỉ tiến hành

Đây có thể coi là một rào cản  
mà Nhà nước phải tìm cách khắc phục để thu hút hơn nữa các dự án đầu tư có

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

hàm

trung cấp cả nước (khoảng 15%).

#### **2.2.4 Thực trạng phát triển chất lượng**

**Nam**

ớc ta đã thực hiện rất nhiều biện pháp với nỗ lực tăng cường hơn nữa vấn đề quản lý chất lượng sản phẩm được thực hiện thường xuyên bao gồm: tăng cường ảnh hưởng, tiêu chuẩn cơ khí, đảm bảo chất lượng sản phẩm và uy tín tiên tiến của thế giới. Hơn nữa, từ năm 2009, Nhà nước đã tổ chức hàng loạt các hội nghị tuyên truyền và động viên các doanh nghiệp tham gia tích cực của các chuyên viên quản lý cao cấp với vai trò là đầu mối phổ biến kiến thức và thậm chí chi tiết hơn dưới vai trò chuyên gia tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện hệ thống quản lý thích hợp. Chương trình hỗ trợ của ngành công nghiệp cơ khí đã được thực hiện và đưa vào áp dụng thành công và đạt chứng chỉ ISO 9001. Trong đó

thiết bị toàn bộ, sản phẩm tàu thủy.

*Thứ nhất là lĩnh vực sản xuất thiết bị toàn bộ:* Trải qua nhiều năm khó khăn, cho đến nay, đã hình thành và phát triển bộ phận nào trong các ngành năng lực

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

ơ khí do các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam chế tạo. Đ  
doanh nghiệp cơ khí trong nước đã từng bước làm chủ được thiết kế, công  
âm tổng thầu EPC các công trình  
như: nhà máy xi măng 0.9  
nhà máy chế biến mùn cao su, nh  
bón NPK, nhà máy sản xuất mủ đường, nhà máy gạch ngói nung...  
Ươ khí Việt Nam chế  
tạo cho các công trình thiết bị toàn bộ như sau:

**Bảng 2**

**ộ**

| Cơ sở sản xuất                                | Tỉ lệ nội địa hóa |                    |
|-----------------------------------------------|-------------------|--------------------|
|                                               | Năm 2007          | Năm 2015 (dự kiến) |
| Nhà máy gạch ngói nung 20-25 triệu viên/ năm  | 100%              | 100%               |
| Nhà máy xi măng 1.4 triệu tấn/năm             | 35-40%            | 70- 80%            |
| Nhà máy giấy và bột giấy 60.000 tấn/năm       | 50%               | 60- 70%            |
| Nhà máy nhiệt điện (300MW)                    | 30%               |                    |
| Nhà máy thủy điện                             | 25%               | 80-90%             |
| Nhà máy mía đường (công suất 8.000 tấn/ ngày) | 30%               | 60- 70%            |

(Ngu

ệt Nam đến năm 2010 và tầm

nhìn đến năm 2020- Bộ Công Thương)

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

Các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu tham gia cung cấp thiết bị toàn bộ cho ngành năng lượng, xi măng, gạch ngói, nước sạch... là: TCTy Lắp máy Việt Nam (LILAMA), TCTy Máy và thiết bị Công nghiệp (MIE), TCTy Cơ khí xây dựng (COMA), Viện nghiên cứu cơ khí NARIME. Đây cũng là những công ty được cấp chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9000 của Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế.

Dự kiến, trong 10 năm tới, nhu cầu về thiết bị toàn bộ của nền kinh tế sẽ phát triển không ngừng (dự kiến tốc độ tăng trưởng 17-18%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của ngành Công nghiệp). Sẽ có một số công trình lớn tầm cỡ quốc gia và quốc tế được xây dựng như, Nhà máy Thủy điện Sơn La, tổ hợp Công nghiệp Khí - Điện - Đạm Cà Mau, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, tổ hợp khai thác chế biến Bauxite Đắk Nông và Lâm Đồng; tổ hợp khai thác và sản xuất gang - thép Thạ

suất trên 2 triệu tấn/năm.

*Thứ hai là lĩnh vực sản xuất sản phẩm đóng tàu thủy:* Đóng tàu là một ngành có lịch sử lâu đời ở nước ta. Từ chỗ nghiên cứu để đóng mới tàu chở

đã đóng thành công một loạt tàu cỡ

lớn, có tính năng phức tạp. Những năm trở lại đây, ngành Công nghiệp đóng

tàu ở Việt Nam đã ước khẳng định mình

trên thương trường hướng ra biển

lớn khi Tập đoàn Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) bàn giao hai con tàu trọng tải

53.000 tấn đầu tiên cho Tập đoàn Graig Investment (Vương quốc Anh), tàu

chở hàng g ta cũng đóng tàu chở

than

tra. Cuộc ước bàn giao

cho Công ty V

con tàu “Made in Việt Nam” xuất xưởng đáp ứng được những yêu cầu khắt

tr,

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

công nhân của Trung tâm Tư v  
Công ty TNHH Nhà nước một th  
thực hiện. Để tiếp tục nâng cao chất lư  
thiết lập đư  
ông, Quảng

hàng loạt dự án lớn được đầu tư theo hư  
phụ trợ, đào tạo...), mạnh dạn đầu tư,  
cao, nh  
xu  
vệ phóng dạng  
vỏ tàu b  
xuất vật liệu hàn hiện đại... được Vinashin đưa vào sử dụng, đã rút ngắn được  
thời gian thi công và nâng cao chất lượng tàu.

lược xuất khẩu tàu thủy  
àu các loại  
cho các ngành v      Tỷ lệ nội  
địa hóa tàu thủy của tập đo  
lượng    tàu xuất khẩu lên khoảng 23-24 chiếc, trong đó chủ yếu là tàu chở  
6.900 ô tô).

ấn  
chất lượng cao như đồng h  
ã đạt tiêu chuẩn  
xuất khẩu và đã xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Tuy nhiên, với những  
cam k  
vẫn c      úc. So với các cường quốc  
phát triển Cơ khí ở châu Á nh

khí của Việt Nam hiện vẫn còn nh  
không tận dụng triệt để

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

sát, tư vấn viên và đặc biệt là hầu hết các nguyên vật liệu chính, máy móc đều phải nhập khẩu từ nước ngoài...

**2.3. Thực trạng thị trường C  
kinh tế Quốc tế**

**2.3.1 Quy mô và tốc độ phát triển thị trường Cơ khí Việt Nam**

Ngành Cơ khí nước ta sau khi gia nhập WTO đã có nhiều tín hiệu khởi sắc. Tổng số cơ sở sản xuất cơ khí cả nước là 53.000 thu hút trên 500.000 lao động. Nếu năm 2003, giá trị sản lượng toàn ngành đạt 64.000 tỷ đồng thì sau này đạt được 113.000 tỷ đồng, chiếm tới 40% sản phẩm cơ khí tiêu dùng nội địa và đã XK được trên 2 tỷ USD/năm. Tuy nhiên, do ảnh hưởng kinh tế đặc biệt là vào cuối năm 2008, giá bán không tăng được nên thị trường xuất khẩu bị co hẹp, hiệu quả sản xuất kinh doanh của ngành bị ảnh hưởng, doanh nghiệp ngành cơ khí đã

chuyển hướng hoạt động, thu gọn đầu tư, tập trung vào các sản phẩm có lợi nhuận cao, giảm chi phí, cải thiện quản lý, nghiên cứu sản xuất và cung cấp ra thị trường các sản phẩm phù hợp với nhu cầu, củng cố và mở rộng thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu,... nên sản xuất tiếp tục duy trì đạt được mức tăng trưởng cao như năm 2008 cao hơn 16% so với năm 2007. Nhiều sản phẩm chủ lực của ngành phục vụ nhu cầu trong nước cũng tăng trưởng cao so với năm 2007 như: động cơ

91,0%, phụ tùng ô tô - điện tử đều tăng mạnh so 2007: Dây chuyền sản xuất 18% so 2007, các sản phẩm cơ khí kho bãi, vận chuyển, đây là quy mô tốc độ phát

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

- Về lĩnh vực cơ khí đóng tàu tiếp tục phát huy được thế mạnh là đầu tàu trong ngành cơ khí. Ngoài hoạt động sửa chữa tàu cho các chủ tàu nước ngoài tại Phà Rừng, Bạch Đằng, Shipmarin, đã đẩy mạnh sản xuất các loại tàu trọng tải từ 12.000 - 105.000 DWT, tích cực triển khai đóng mới kho nổi chứa xuất dầu FSO5 trợ  
ầu khí.

Giá trị xuất khẩu ngành đóng tàu đạt khoảng 500 triệu USD. Năm 2008, giá trị tổng sản lượng của Tập đoàn đ

đồng, tăng 47% so với năm 2007.

- Về lĩnh vực sản phẩm lắp ráp ô tô: Theo Bộ Công Thương, hiện có 12 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Doanh nghiệp FDI) được cấp phép hoạt động lắp ráp ô tô (trong đó có doanh nghiệp Daihatsu). Còn đối với doanh nghiệp trong nước, hiện nay có 35 doanh nghiệp sản xuất và lắp ráp ô tô. Trong những năm gần đây, sản lượng ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước liên tục tăng với tốc độ tăng trưởng bình quân là 25-40%. Tổng số lượng xe sản xuất ra đạt con số 80.392 xe, gấp đôi so với sản lượng năm 2006.

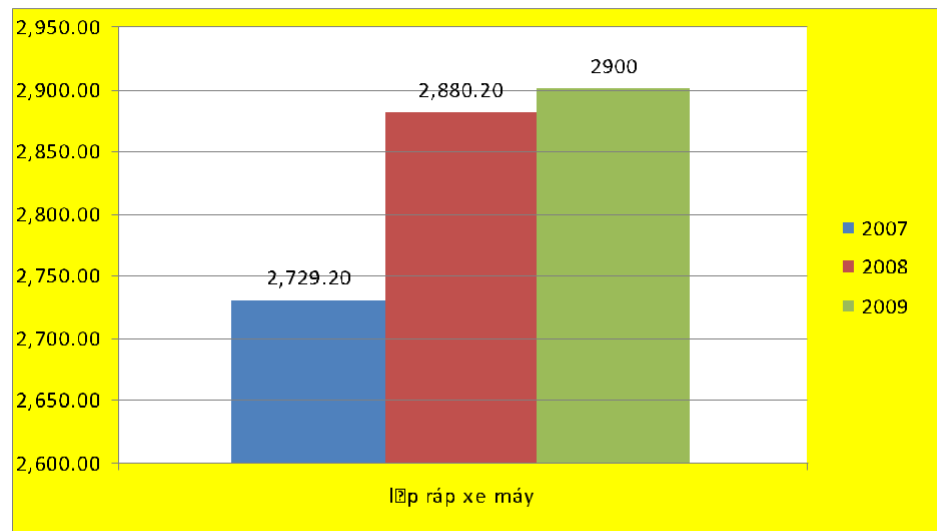
Sang đến năm 2008, mặc dù tình hình kinh tế thế giới có nhiều dấu hiệu giảm sút, kinh tế trong nước gặp khó khăn do lạm phát tăng đến mức 2 con số, nhưng theo số liệu của Hiệp hội các DN ô tô Việt Nam (VAMA), sản lượng ô tô tiêu thụ 110.186 xe các loại trong năm 2008. Nhiều DN đã có sự tăng trưởng ấn tượng với lưu

bước sang đầu năm 2009, thị trường ô tô Việt Nam phải chịu ảnh hưởng mạnh nhất trong các nhóm sản phẩm cơ khí do cuộc khủng hoảng kinh tế Thế giới đang lan rộng khiến một loạt các doanh nghiệp sản xuất và lắp ráp ô tô giảm giá từ 4,3%-6,15%. Cụ thể, Toyota Việt Nam cho biết các mẫu xe của họ giảm thấp nhất là 4,3% và cao nhất là 4,6%. Ford Việt Nam cũng cho biết mức giảm giá với các m

thuế GTGT...



Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế



Đơn vị: nghìn sản phẩm

**Hình 5: Báo cáo tình hình sản xuất và lắp ráp xe máy**

(Nguồn: Tài liệu thống kê tăng trưởng theo nhóm sản phẩm- Bộ Công Thương)

V

bình khoảng 2,8 triệu xe/ năm, thị trường cho cả 52 doanh nghiệp cùng tồn tại. Tình trạng cung vượt cầu quá xa làm cho cạnh tranh trên thị trường

Trong bối cảnh hiện nay, thay vì củng cố chất lượng để tạo uy tín cho thương hiệu của mình, một số doanh nghiệp đã hạ giá bán để cạnh tranh, thậm chí có doanh nghiệp giảm giá đến 10 doanh nghiệp đơn vị ngay từ đầu đã đầu tư công nghệ và quan tâm đến chất lượng sản phẩm cũng như uy tín thương hiệu của mình”.

Ngoài khả năng cạnh tranh kém trên thị trường, nhiều cơ sở lắp ráp xe máy phải ngưng hoạt động còn liên quan đến vấn đề quyền sở hữu trí tuệ. Hiện nay, thị trường lắp ráp đều nhái theo

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

ki

vào thế tiến thoái lưỡng nan. Theo một số doanh nghiệp, thị trường xe máy  
ần

Cho phép hình thành những cơ sở lắp ráp xe Trung Quốc giá rẻ đã buộc các  
doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngo

giá bán xe. Nhưng m

đư

lý chất lượng khiến thị trư ợng kém,

tiêu tốn nhiều nhiên liệu và gây ô nhiễm môi trường.

Ở tầm vĩ mô, việc đầu tư hàng lo

m

ờng là sự lãng phí lớn. Hiệp hội Xe

đạp xe máy Việt Nam ước tính, các doanh nghiệp trong nước đã chi ra không

đư

i đây chuyên có

công suất hàng chục nghìn xe mỗi năm, nhưng rất nhiều đơn vị hàng năm chỉ  
xuất xưởng được vài nghìn xe.

•

c

àn

ã sản xuất được máy tiện vạn năng

ờng kính 25-50mm, máy bào ngang

hành trình 650mm,... Các hệ máy gia công áp lực như: búa rèn không khí nén  
trọng lượng rơi đ

Được sự quan tâm của nhà nư

ùng đi kèm, nhu cầu đầu tư mới vào các

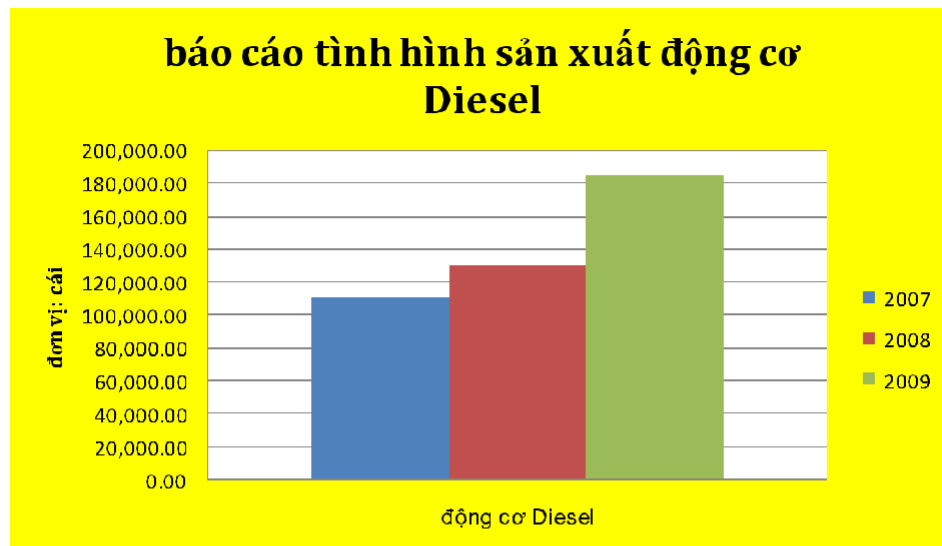
ngành cơ khí, nhu c

êu thụ và

ộng lực thúc đẩy

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

cường sản xuất. Đến năm 2008, sản lượng máy công cụ là 3.726 máy. Tuy nhiên, nhu cầu, nhu cầu dự báo sẽ giảm, thị trường như năm 2008. Dự kiến năm 2009, số lượng tăng 4.7% so với năm 2008.



*Hi*

**nh 6: Báo cáo tình hình sản xuất động cơ Diesel**

*ờng niên- Bộ Công Thương)*

Đối với việc sản xuất động cơ Diesel, theo đánh giá của Bộ Công Thương, động cơ Diesel là một trong những chiến lược phát triển Công nghiệp cơ khí như sau khi là thành viên WTO. Do vậy, vào năm 2001, 18.125 vào năm 2002 cho đến 56.763 động cơ vào năm 2006. Năm 2007, số lượng động cơ sản xuất ra đã tăng gấp đôi so với năm 2006 (109.945 động cơ). Con số sản xuất động cơ Diesel là 130.098 động cơ.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

- Về lĩnh vực sản phẩm thiết bị điện, dây và cáp điện

ã có hơn 30 năm hoạt động.

Ngoài đơn v

ương, và các doanh

ng nghiệp FDI. Các DN đã s

đạt các tiêu chuẩn TCVN, IEC và tương đương được sử dụng rộng rãi trên các

lưới điện quốc gia.

**Bảng 3: Tổng hợp tình hình s**

**à cáp điện**

| Chỉ tiêu                 | Đơn vị tính | 2007      | 2008      | Kế Hoạch 2009 | Tỷ lệ (%)    |              |
|--------------------------|-------------|-----------|-----------|---------------|--------------|--------------|
| <i>A</i>                 | <i>B</i>    | <i>1</i>  | <i>2</i>  | <i>3</i>      | <i>4=2/1</i> | <i>5=3/2</i> |
| <b>Động cơ điện</b>      | Cái         | 150,247.0 | 165,038.0 | 200,800.0     | 109.8        | 121.7        |
| <b>Biến thế điện</b>     | "           | 12,890.0  | 15,149.6  | 18,200.0      | 117.5        | 120.1        |
| <b>Điều hòa nhiệt độ</b> | 1000 cái    | 114.0     | 119.3     | 130.0         | 104.6        | 109.0        |
| <b>Tủ lạnh, tủ đá</b>    | "           | 873.8     | 1,067.8   | 1,200.0       | 122.2        | 112.4        |
| <b>Máy giặt</b>          | "           | 414.5     | 530.6     | 600.0         | 128.0        | 113.1        |
| <b>Ti vi</b>             | "           | 2,289.1   | 2,633.3   | 2,750.0       | 115.0        | 104.4        |

ờng niên- Bộ Công Thương)

ốc ngoài

hoặc liên doanh nước ngoài đ

mô lớn như: Công ty cổ phần dây và cáp điện Taya Việt Nam, Furukawa Automotic Parts Việt Nam, Sumi- Hanc, LG-Vina....

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

Với nguồn vốn đầu tư lớn, cơ sở vật chất từng bước được nâng cao, các sản phẩm thiết bị điện đã đạt được những tăng trưởng đáng kể. Từ bảng trên ta có thể thấy rằng, các sản phẩm điện và dây cáp điện của Việt Nam tăng

[illegible]

thời gian v

mai, giảm giá.

- Nhóm sản phẩm phụ tùng xe đạp

Sau năm 1954, Việt Nam tiếp quản nhà máy xe đạp thống nhất từ tập đoàn dân sinh Trung Quốc và từ h  
nh

à Trung Quốc... Nhưng sản lượng xe đạp cả nước bao gồm doanh nghiệp Nhà nước cũng chỉ đạt được con số gần 500.000 xe/năm. Do vậy, Nhà nước khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư thêm thiết bị và dây chuyền công nghệ. Hơn 30 doanh nghiệp sản xuất của Đài Loan đầu tư vào Việt Nam. Họ đã thúc đẩy ngành hàng xe đạp và đã vượt qua những khó khăn trên thế giới.

Hiện nay, sản xuất xe đạp trong nước đáng kể là Cty xe đạp Thống Nhất trung bình mỗi ngày Cty xuất xưởng 100 chiếc xe đạp loại xe mới có tính năng vượt trội

200 xe đạp Thống Nhất đã xuất sang thị trường Hoa Kỳ- một thị trường lớn nhưng rất khó tính bên cạnh những thị trường truyền thống như châu Âu, Bắc Mỹ, Malaysia.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

### **2.3.2. Cơ cấu sản phẩm và thị trường xuất khẩu sản phẩm cơ khí**

ơ khí chủ yếu

y dụng. Máy

ngôi, xe gắn máy và

phẩm tàu thủy phục vụ lĩnh vực hàng h

thị trường. Tuy nhiên, cho đ

đạt đư

xe máy, xe đạp, thiết bị điện, sản phẩm cơ khí tiêu dùng và một số loại máy công cụ máy động lực Diezel. Thị trường xuất khẩu các sản phẩm cơ khí chủ yếu này như sau:

- *Về thị trường xuất khẩu sản phẩm đóng tàu:* Sản phẩm xuất khẩu của các doanh nghiệp tàu thủy chủ yếu san thị trường châu Âu điển hình là Hà Lan, Naui, Israel, Đức và một phần sang thị trường Nhật Bản. Mặc dù không xuất khẩu sang nhiều thị trư n phẩm tàu thủy Việt Nam chủ yếu là các công ty đa quốc ,có tên tuổi lớn trên Thế giới.

- *Về thị trường xuất khẩu sản phẩm ô tô:* Hiện nay, Việt Nam chủ yếu xuất khẩu các loại linh kiện lắp ráp ô tô ra nước ngoài như angten, van điều hòa khí xả, bàn đạp chân ga. Thị trường xuất khẩu chính là Thái Lan, Indonexia, Philipin, Malaysa, Ấn Đô, Nam Phi, Pakistan.

- *Về thị trường xuất khẩu máy công cụ và máy động lực Diezel:* Thị trường xuất khẩu các sản phẩm máy động lực và máy công cụ của Việt Nam

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

ban đầu chủ yếu là các nước thuộc khu vực ASEAN, sau đó mở rộng dần sang Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan... Một số sản phẩm đã được xuất khẩu sang các nước phát triển như Nhật Bản, Newzealand, Australia. Thị trường xuất khẩu các sản phẩm máy cày, máy động lực phục vụ nông, lâm, ngư ỳ, các nước Trung Cận Đông, Châu Phi, Trung Mỹ...

- *Về thị trường xuất khẩu sản phẩm thiết bị điện:* Thị trường xuất khẩu dây điện và cáp điện chủ yếu của Việt nam là Nhật Bản (chiếm 90%), Hàn Quốc, Australia, Hồng Kông và các nước thành viên ASEAN. Bên cạnh đó gần đây có sự tham gia của các thị trường khác như Đài Loan, Trung Quốc, Hoa Kỳ. Tuy nhiên xuất khẩu sản phẩm nhóm hàng này chủ yếu do các doanh nghiệp FDI thực hiện nhất là công ty có vốn đầu tư Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc như LG-vina, Sumi- Hanel, ABB, TAKAOKA, Alpha Nam, E-Hin..

- *Về thị trường xuất khẩu sản phẩm xe đạp:* Sản phẩm xe đạp Việt Nam hiện nay đã xuất sang được các thị trường khó tính như Châu Âu, ỳ.

Ngoài ra nước ta cũng xuất khẩu các sản phẩm cơ khí khác như nồi cháo inox xuất đi Hàn Quốc; máy giặt, tủ lạnh xuất đi Argentina, Hồng Kông, Indonesia, Malaysia, Nhật Bản, Singapore và Trung Đông; bình xăng con xuất đi Đài Loan; phụ tùng xe máy xuất đi Đài Loan, Nhật Bản... Ngoài ra còn có QDTW (Vikyno, Vinapro) xuất khẩu sản phẩm máy nổ, máy xay xát đi Trung Đông (Iraq), Myanmar và Malaysia. Hàng chục tấn thiết bị đường ống cắt, van chịu m ã được chế tạo v thép, lò hơi đư c nghiệp cơ khí c ơ khí đi các nước Đức, ý, Malaixia, úc, Mỹ, Hà Lan, Đan Mạch... với trị giá hàng chục triệu

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

ứng số 3

ốc cho Tập đoàn

ần cho nhà máy nhiệt

ốc đó,

LILAMA 3 cũng đã xuất khẩu thiết bị nồi hơi công nghiệp sang Hàn Quốc với trị giá 2,1 triệu USD.

## **2.4. Đánh giá chung**

### **2.4.1. Kết quả đạt được**

được một số kết quả như sau:

- Ngành công nghiệp cơ khí phát triển nhanh, hầu hết sản lượng các nhóm sản phẩm trọng điể

lĩnh vực sản xuất ô tô, xe máy, cơ khí xây dựng.

- Hình thành ngành công nghiệ  
trong tổng GTSXCN toàn ngành công nghiệp và trở thành một trong những ngành công nghiệp chủ lực. Đây là tiền đề quan trọng để phát triển ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam trong những năm tới, hình thành ngành công nghiệp then chốt.

- Với những điều kiện thuận lợi vị trí địa lý, nới lỏng chế độ pháp lý và trở thành thành viên thứ 150 của WTO, công nghiệp cơ khí tiếp tục thu hút thêm nhiều dự án đầ

phẩm

được nhiều công nghệ mới, góp ph

lớn mạnh, đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng của ngành công nghiệp.

- Sản phẩm của ngành công nghiệp cơ khí ngày càng đa dạng phong phú, trong đó hình thành một số nhóm sản phẩm chủ lực của ngành như sản

cả nước và Vùng, tỷ

Đạt được những kết quả trên, có thể đánh giá một số nguyên nhân chính sau đây:

- Ngành cơ khí là ngành cần phát triển mạnh để phục vụ sự nghiệp  
 ớc, phục vụ đời sống nhân dân, đồng  
 thời đóng góp tích cực vào sự phát triển những ngành kinh tế khác. Đó cũng  
 là xu hướng phát triển chung của thế giới trong thời đại cơ điện tử – tự động  
 hoá, do đó Đảng và Nhà nước rất quan tâm phát triển ngành, từng bước ban  
 hành nhiều chủ trương, chính sách về ưu tiên, khuyến khích và thu hút đầu tư.

- Kinh tế trong nước từng bước ổn định và duy trì tốc độ tăng trưởng cao, sản xuất phát triển, đời sống được cải thiện, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng mua, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước đối với sản phẩm xuất khẩu ngày càng tăng, có uy tín trên thị trường và được nhiều người quan tâm.

- số
- trình xúc tiến đầu tư nước ngoài cũng được Nhà nước quan tâm kêu gọi các dự án vào ngành cơ khí, từng bước hình thành các dự án ưu tiên kêu gọi khuyến khích đầu tư và xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển. Bên cạnh đó, với điều kiện về vị trí địa lý thuận lợi, cơ sở hạ tầng phát triển và bộ máy quản lý hành chính nhà nước hoạt động có hiệu quả... đã tạo điều kiện cho ngành công nghiệp cơ khí có nhiều thuận lợi để phát triển.

- Các doanh nghiệp đã quan tâm đầu tư, đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm để thích ứng trong quá trình hội nhập, không

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

ngừng tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước, đa dạng hoá sản phẩm... Bộ  
máy quả                                                  ng, trình độ người lao động  
ngày được nâng cao và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến trên thế giới.

#### 2.4.2. Một số tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được, cơ khí cũng còn một số tồn tại:

- Sản xuất chủ gia tăng (VA) thấp,

nghiệp cơ khí phát triển theo bề rộng, tuy có một số lĩnh vực cơ khí nông  
 từng ô tô – xe gắn máy có sử dụng  
 thiết bị công nghệ động...  
 nhưng số lượng rất nhỏ bé, dàn trải, chưa thực sự hình thành lĩnh vực cơ khí  
 công nghệ t bị gia công cơ khí chính xác  
 cấp 1, siêu cấp, thiết bị dụng cụ đo kiểm, thiết bị thủy lực...).

- Nguồn nguyên liệu đầu vào phục vụ cho nhu cầu phát triển của ngành như sắt, thép, kim loại màu... hiện nay chủ yếu nhập ngoại, do đó làm giảm ở cơ khí nhỏ phục vụ bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ và các ngành nông nghiệp, giao thông vận tải, chế biến nông sản, xây dựng... có vốn đầu tư rất nhỏ, thiết bị công nghệ cũ kỹ lạc hậu, thậm chí có những thiết bị đã hết khấu hao do các doanh nghiệp nhà nước bán lại.
- Các doanh nghiệp trong nước có sản phẩm chủ yếu tiêu thụ nội địa, thị phần nhỏ, tiếp cận thị trường xuất khẩu hết sức khó khăn do khả năng cạnh tranh sản phẩm thấp, trình độ quản lý, tiếp thị, bảo hành sản phẩm... còn hạn

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

chế. Với khả năng cạnh tranh kém và hàng rào thuế quan gỡ bỏ khi tham gia AFTA & WTO... công nghiệp cơ khí Việt Nam có thể bị mất thị trường ngay trong nư

- Hiện công nghệ sản xuất cơ khí của Việt Nam đã lạc hậu 15 - 20 năm so với các nước trong khu vực và 40 - 50 năm so với các nước phát triển, máy móc trang thiết bị công nghệ lại quá cũ kỹ, không đảm bảo độ chính xác gia công. Do đó yêu cầu cấp bách đặt ra là phải cải tiến, đổi mới thiết bị công nghệ cho ngành cơ khí trong những năm tới.

- Nguồn lực cho ngành không chỉ thiếu về lao động có tay nghề mà còn thiếu cả về lao động thủ công để doanh nghiệp tự đào tạo. Công tác đào tạo nguồn nhân lực chưa có sự phối kết hợp đồng bộ giữa cơ sở đào tạo, người lao động và người sử dụng lao động, lao động do các doanh nghiệp tự đào tạo còn chiếm tỷ trọng công nghiệp cơ khí: 01 kỹ sư – 1,5 trung cấp – 3,5 công nhân. Nhưng thực tế hiện nay, tỷ lệ đào tạo là 01 đại học – 2,02 trung cấp – 1,02 công nhân, tạo sự bất hợp lý “thầy nhiều hơn thợ” dẫn đến tình trạng công nhân đào tạo ra, nhất là công nhân kỹ thuật có trình độ không đủ cung cấp cho ngành cơ khí.

- Liên kết và bất hợp cơ khí trong vùng (Ví dụ: Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương) đều gần giống nhau, việc thu hút đầu tư chọn lọc, phân công hợp tác. Công tác xây dựng quy hoạch hiện, làm ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh chung của công nghiệp cơ khí toàn vùng.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển ngành còn nhiều hạn chế. Xác định cơ khí là ngành công nghiệp then chốt, tuy nhiên cơ chế, chính sách đối với ngành công nghiệp then chốt chưa được hình thành... Những vấn đề này ảnh hưởng không nhỏ đến định hướng chiến lược và sự phát triển của các doanh nghiệp, của các địa phương.

**Tóm lại:**

ủa đất nước. Sự phát triển của ngành công

của Việt Nam trong thời gian tới.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

### **CHƯƠNG III: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ ĐẾN NĂM 2020**

#### **3.1 D**

##### **3.1.1 Dự báo khả năng phát triển trong nước**

ã hội trong 10 năm tới, tăng trư ầu người sẽ tăng gấp đôi (vào kho ỉnh quân/đầu người sẽ cao hơn 2.000 USD và nhu cầu sản phẩm cơ khí sẽ tăng đáng kể không chỉ vì nhu cầu kinh doanh m

ột số dự báo đối với các nhóm sản phẩm chủ yếu được nêu ở chương 2.

- *Đối với sản phẩm cơ khí ô tô* : Theo nghiên cứu của các tập đoàn ô tô ù thị trường ô tô Việt nam hiện còn nhỏ bé, nhưng với đ trư ời (GDP) sẽ ngày càng tăng cao, nhất là giai đoạn sau 2010.

**Bảng 4 : Dự báo nhu cầu trong nước đối với sản phẩm ô tô**

| Chỉ tiêu                                       | Số lượng   |
|------------------------------------------------|------------|
| GDP/người năm 2005 (USD)                       | 640        |
| Dự tính GDP/người năm 2010 (USD)               | 1.200      |
| Dự báo dân số năm 2010 (người)                 | 88.423.112 |
| Dự đoán doanh số bán ô tô/1.000 người năm 2010 | 1,18       |
| Dự đoán nhu cầu ô tô năm 2010 (chiếc)          | 104.339    |

*(Nguồn: www.vama.com)*

Sử dụng phương pháp h

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

binh quân và lượng ô tô tiêu thụ tính trên 1.000 người thì vào năm 2010 lượng ô tô ước tính của Tổng cục Thống kê dân số Việt Nam năm 2010 là 88.423.112 người. Do vậy, nhu cầu ô tô của Việt Nam năm 2010 ước tính khoảng 104.000 chiếc. Theo kết quả dự đoán, tỉ lệ tăng trưởng sản lượng xe ô tô ở Việt bổ sung cho số lượng xe phải thanh lý là 5%) thì nhu cầu ô tô vào năm 2010 sẽ là khoảng 120.000 – 130.000 xe/năm.

- *Đối với sản phẩm lắp ráp xe máy:* Xe gắn máy đã thực sự trở thành phương tiện chủ yếu của người dân các đô thị và cả ở nông thôn Việt Nam, phương tiện xe gắn máy sẽ còn kéo tới giai đoạn mà ô tô và các phương tiện khác phát triển, hội tụ đủ các yếu tố phục vụ đi lại một cách thuận tiện nhất cho người dân. Hiện nay nhu cầu xe gắn máy vẫn tiếp tục có xu hướng tăng, tuy nhiên tỷ lệ tăng trưởng có chậm lại do nhu cầu sử dụng xe ô tô trong dân đã tăng lên. Dự báo nhu cầu sử dụng xe gắn máy đến năm 2010 là 1.002.000 chiếc và đến năm 2020 chỉ còn lại khoảng 500.000 chiếc.

Sau năm 2010, kinh tế Việt Nam sẽ có bước phát triển vượt bậc. Thu nhập bình quân đầu người sẽ tăng cao, chất lượng cuộc sống sẽ nâng lên đáng kể. Số người sử dụng xe gắn máy sử dụng vào năm 2020 sẽ giảm đi đáng kể do giá thành cao. Nhà nước sẽ có chính sách để hạn chế số lượng xe gắn máy lưu thông trên đường để giảm ô nhiễm môi trường và hạn chế hạn sử dụng... Với nhu cầu sử dụng xe gắn máy sử dụng trong dân.

- *Đối với sản phẩm máy công cụ, máy động cơ Diesel cho nông nghiệp:* Do yêu cầu về tỷ lệ cơ giới hóa nông nghiệp, đồng thời nhà nước tạo điều kiện giảm gánh nặng trong các hoạt động nông nghiệp cho người nông dân. Do vậy, nhu cầu về sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp vẫn sẽ tiếp tục tăng cao. Tỷ lệ cơ giới hóa duy trì ở mức 90%

**Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế**

• **Đối với sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng:** Cùng với sự phát triển ồ ạt của ngành công nghiệp xây dựng, nhu cầu về sản phẩm cơ khí xây dựng cũng gia tăng đáng kể. Bởi n

. Dự báo tăng trưởng ngành công nghiệp cơ khí xây dựng dựa trên tốc độ tăng bình quân về phát triển sản phẩm cơ khí xây dựng, cụ thể được thể hiện tại bảng 5 về nhu cầu sản phẩm cơ khí xây dựng.

**Bảng 5: Dự báo nhu cầu trong nước đối với sản phẩm cơ khí xây dựng**

| Danh mục               | GTSXCN (Tỷ đồng) |        | Tốc độ tăng bình quân (%) |           |
|------------------------|------------------|--------|---------------------------|-----------|
|                        | 2010             | 2020   | 2006-2010                 | 2011-2020 |
| <b>Ngành Cơ khí</b>    | 12.858           | 79.614 | 24                        | 20        |
| <b>Cơ khí xây dựng</b> | 3.672            | 20.909 | 22,5                      | 19        |
| <b>Cơ cấu (%)</b>      | 28,5             | 26,3   |                           |           |

(Nguồn: Quy hoạch phát triển cơ khí tỉnh Đ

• **Đối với sản phẩm cơ khí tiêu dùng:**Nhu cầu về các sản phẩm cơ khí tiêu dùng ngày s  
 ớng ngày càng nâng cao về chất lượng và tính hiện đại. Các doanh nghiệp có nhiều cơ hội để phát triển và mở rộng thị trường. Ngoài các loại dụng cụ tiêu dùng mang tính truyền thống gia đình nh

m  
 ại máy móc thiết bị cơ khí tiêu dùng gia

cụ và các ph

tiêu dùng, cụ thể như sau:

**Bảng 6: Dự báo nhu cầu trong nước với sản phẩm cơ khí tiêu dùng**

| Danh mục                | GTSXCN (Tỷ đồng) |        | Tốc độ tăng bình quân (%) |           |
|-------------------------|------------------|--------|---------------------------|-----------|
|                         | 2010             | 2020   | 2006-2010                 | 2011-2020 |
| <b>Ngành Cơ khí</b>     | 12.858           | 79.614 | 24                        | 20        |
| <b>Cơ khí tiêu dùng</b> | 1.603            | 5.941  | 16                        | 14        |
| <b>Cơ cấu (%)</b>       | 12,5             | 7,5    |                           |           |

(Nguồn: Quy hoạch phát triển cơ khí tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 có tính đến năm 2020)

### 3.1.2 Dự báo khả năng xuất khẩu

Các sản phẩm c  
đóng tàu, máy biến thế điện, động c

nhu cầu tăng lớn. Sau đây là dự báo thị trường xuất khẩu đối với một số sản phẩm

- *Sản phẩm công nghiệp đóng tàu*: Đây là ngành được đánh giá là rất có tiềm năng phát triển và được sự đầu tư tập trung của nhà nước thông qua nhiều dự án và kho lớn. Theo Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy

USD nên đây sẽ là hư  
rất lớn. Hiện tại, Vinashin đã

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

đồng đến năm 2009 với giá trị thu về ước khoảng 1,5 tỉ USD. Các hợp đồng khác vẫn đang được xúc tiến đàm phán.

Thị trường ở Đông Á, Ấn Độ, Tây Ban Nha, Bỉ, Hà Lan và các thị trường Điện...

- ***Sản phẩm thiết bị điện:*** Đây là mặt hàng đang có thị trường xuất khẩu tốt, đặc biệt là sang các nước châu Phi. Trong chiến lược phát triển các mặt hàng công nghiệp thì đây sẽ là những mặt hàng thuộc nhóm sản phẩm tiềm

ở mức cao d vậ theo đề xuất của nhà nư ào năm 2010. Với tốc độ tăng trưởng 30%/1 năm.

Thị trường Thái Lan, Trung Quốc, Singapore, các nước thuộc EU cũ và mới và các thị trường Mỹ vì đây là thị trường

lớn do xu hướng đầu tư c ước và nước cơ khí của Việt Nam vẫn còn gặp nhiều vư

đã có uy tín trong xuất khẩu như tàu thu vốn thiếu vốn đầu tư cho đ ượng độ cao.

### **3.2 Định hướng phát triển ngành cơ khí đến năm 2020**

#### **3.2.1 Quan điểm phát triển ngành cơ khí**

- ***ngành CNH- HĐH đất nước.*** Ngành cơ khí có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển nền kinh tế đất nước. Đây là ngành cung cấp hầu hết máy móc, thiết bị cho mọi ngành công nghiệp, sản phẩm của ngành có mặt ở hầu hết các ngành kinh tế cũng như lĩnh vực tiêu dùng của nhân dân. Ngành cơ khí phải thực sự



*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

HĐH nông nghiệp nông thôn là  
ơ khí là điều  
cần thiết nhất và là yếu tố sống còn.

• *Khuyế*

Hoàn thiện các chính sách, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia và bỏ vốn vào các chuyên ngành sản xuất cơ khí và trước hết là cơ khí tiêu dùng. Đa dạng hóa sở hữu và nguồn vốn, phát huy mạnh mẽ nội lực và nguồn vốn trong nước để xây dựng và phát triển các ngành cơ khí. Tạo dựng môi trường và thị trường- phát triển mạnh mẽ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành cơ khí.

▲ *Đẩy mạnh nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh.*

Phát triển cơ khí phải gắn liền với các thành tựu của công nghiệp điện tử- tin học, đi ngay vào công nghệ tiên tiến hiện đại, đảm bảo sản xuất có chất lượng trên mức trung bình của Thế giới; đồng thời tận dụng phát huy các công nghệ thích hợp sử dụng nhiều lao động.

▲ *Bảo vệ thị trường để chủ động hội nhập khu vực và thế giới, từng bước xuất khẩu ngành càng nhiều sản phẩm cơ khí.*

Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới trong điều kiện bất lợi là chúng ta công nghiệp hóa muộn hơn các nước trăm năm. Nếu Việt Nam không có chính sách bảo vệ tích cực (có lộ trình hợp ký) để tranh thủ thời cơ trước hội nhập để phát triển các chuyên ngành công nghiệp có lợi thế thì chắc chắn ta sẽ bị thua thiệt nhiều hơn trong khi hội nhập. Đó cũng là nguy cơ thấy trước với ngành cơ khí Việt Nam.

**3.2.2 Định hướng phát triển ngành cơ khí đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020:**

▲ *Thiết bị toàn bộ*

Nâng cao năng lực chế tạo thiết bị toàn bộ với công nghệ tiên tiến. Sản xuất đư



*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

pháp chính. Trong đó, đối với giải pháp về thị trường, trên cơ sở dự báo nhu cầu thị trường, lựa chọn một số sản ph

V ình  
sản phẩm cơ khí trọng điểm đã được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn cũng như các dự án sản xu

ội nhập cho phép, có giải pháp  
ốc được nhận các hợp đồng cung cấp  
máy nông nghiệp theo hình thức tổng thầu đối với các dự án xóa đói giảm  
à chăm sóc rừng trồng...Để tiến tới  
thành lập tập đoàn sản xuất-kinh doanh máy động lực, máy nông nghiệp đa  
ngành, giải pháp đưa ra là củng cố các Tổng công ty nhà nước để có thể đảm  
nhiệm tốt vai trò định hư ợ-công ty  
con, chuy  
nghiệp thuộc địa phương thành công ty con hoặc doanh nghiệp vệ tinh của  
dạng hóa nguồn  
vốn sở hữu

▲ *Máy công cụ*

Ưu tiên phát triển ng  
ngành công nghi  
d

chương trình hiện đại hóa theo hướng điện tử - tin học hóa (CNC) dần máy  
công cụ hiện có trong các cơ sở công nghiệp.

▲ *Cơ khí xây dựng*

Đầu tư chiều sâu, đầu tư mới các cơ sở chế tạo máy xây dựng với thiết bị  
và công nghệ hiện đại, đáp ứng cơ bản nhu cầu sản xuất: vật liệu xây dựng, thi

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

dựng và các d

phức tạp cao, hiện đại mà thị trường trong nước và nước ngoài có nhu cầu.

▲ *Cơ khí đóng tàu*

ướng trở thành

m

ào tạo, nghiên cứu, thiết kế

đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng nhu cầu đổi mới cơ cấu đội tàu

hoạt động trong nước và nước ngoài. Ph

quốc gia có nền công nghiệp tàu thủy phát triển vào loại trung bình tiên tiến

- xã hội đất nước, góp phần

c

ước xuất khẩu tàu thủy.

Đ

địa, tàu công trình, đánh bắt hải sản, tàu biển trọng tải dưới 15.000 DWT;

đảm nhận 70 - 75% nhu cầu đóng tàu bách hóa 15.000 - 50.000 DWT và đóng

được tàu d

trọng tải đến 400.000 DWT.

ơ thủy đến 6.000 mã lực và

chế tạo lắp ráp các thiết bị tr

ải,

nh

ối với sản phẩm tàu

đóng m

▲ *Thiết bị điện*

Xây dựng ngành s

Đầu tư mới, đầu t

, nâng cao sức cạnh tranh của

ước, thay thế các thiết bị nhập

kh

ờng khu vực và thế giới. Trước

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

mất cần đầu tư chiều sâu và mở rộng sản xuất của các cơ sở hiện có để có thể sản xuất đư

khác cho ngành công nghiệp và dân dụng.

▲ *Cơ khí xe máy*

phụ tùng xe tương

đương 450 - 500 nghìn xe, u

+ Thiết lập và đưa vào ho  
triển trước năm 2010.

- Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015:

nước; trên 95% linh kiện,

ph

ạt khoảng 500

ưu và Phát triển để tự

thiết kế được các loại xe thông dụng và một số loại xe cao cấp.

- Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2025:

+ Tập trung đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các loại xe máy, linh kiện,  
phụ tùng xe máy;

+ Sản xuất được xe máy cao cấp và xe máy chuyên dùng phục vụ trong  
nước và xuất khẩu;

+ Tự thiết kế và sản xuất các loại động cơ, xe máy sử dụng nhiên liệu sạch.

▲ *Cơ khí ô tô*

Đ

uống của các liên

doanh và sự đổ vỡ hàng lo

ổ nét

nhất đang đư

ngành có vốn đầu tư nước ngoài được nhập khẩu và phân phối ô tô nguyên

ước. Khả

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

tô thuần túy từ hãng mẹ hoặc từ các nhà máy trực thuộc hãng mẹ tại các quốc

nă

ành công nghiệp

Suzuki, Isuzu). Khả năng thứ ai sẽ

-Deawoo). Cả hai lựa

chọn trên đều phụ thuộc vào chính sách thuế của Nhà nước đối với xe nhập khẩu nguyên chiếc. Nếu hai khả năng này thành hiện thực, những hệ ụy đến nền kinh tế là không nhỏ, chưa k ười lao động.

### **3.3 Giải pháp v**

#### **Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.**

Với nhận thức ngành cơ khí có vai trò quyết định trong sự nghiệp công nghiệp hóa- hiện đại hóa đất nư  
cao năng suất v  
phòng cho đất nước, Nhà nư

ột số giải pháp hỗ trợ

Công nghiệp cơ khí.

#### **3.3.1 Các giải pháp phát triển Công nghiệp cơ khí**

##### **3.3.1.1 Giải pháp về thị trường**

Mọi động thái của ngành cơ khí đều căn cứ vào tín hiệu thị trường. Người sản xuất phải nhìn thấy thị trường mới đầu tư đổi mới công nghệ, mới đ ào tạo đội ngũ khi có thị trư ào vệ thị trường, tạo dựng và mở rộng thị trường.



***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

**▲ *Đối với thị trường trong nước***

Nhà nước cần có những chính sách để kích cầu, tạo dựng thị trường qua sản phẩm cơ khí. Nhà nước hãy là khách hàng chính của ngành cơ khí Việt Nam. Các công trình Nhà nước đầu tư hãy tìm cách sử dụng các sản phẩm cơ khí chế tạo và sản xuất trong nước. Ngoài ra, Nhà nước phải khuyến khích việc tiêu dùng sản phẩm nội địa, bằng cách không cho vay vốn để mua các máy móc thiết bị ngoại nhập khi trong nước đã có khả năng sản xuất được các máy móc thiết bị đó. Bản thân nhà đầu tư cũng phải hình thành những gói thầu trong nước hoặc đấu thầu hạn chế, hoặc chỉ định thầu.

- Doanh nghiệp được ưu tiên trong nước thông qua các cơ quan quản lý nhà nước, bộ phận xúc tiến thương mại của Tỉnh, Thành phố.

**- Về hỗ**

tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm ở trong nước được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 36/2005/TTLT-BTC-BCN ngày 16/5/2005 của Bộ Công nghiệp và Bộ Tài chính, về hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp đối với hoạt động khuyến công, trong đó Cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn được nhà nước hỗ trợ

tham gia hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm trong nước. Riêng hội chợ tổ chức tại nước ngoài được ưu tiên ưu đãi hỗ trợ tối đa 80%.

Nguồn kinh phí hỗ trợ cho công tác này, được cân đối từ kinh phí khuyến công hàng năm của Nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp theo đúng điều kiện quy định và chưa được hưởng bất kì một nguồn kinh phí nào cho hoạt động trên. Đây được coi là chính sách kích cầu phù hợp. Bởi thị trường nông thôn là thị trường được nhận định là có sức mua hạn hẹp nhưng nhu cầu lớn. Do vậy, Nông dân cần vay vốn để mua sắm thiết bị cơ giới hóa theo hình thức trả chậm, hỗ trợ lãi vay, hỗ trợ giá bán. Người sản xuất được hỗ trợ để đưa sản phẩm đến tận tay người nông dân, hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng, tổ



*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

ứng được như cầu.

▲ *Nguồn vốn đầu tư*

trung vào một số vấn đề sau:

- *Tăng cường thu hút các dự  
nghiệp cơ khí.*

n ngành cơ khí, cần nghiên cứu

+ Tăng cường công tác quản lý nhà nước để cải thiện môi trường đầu tư. Để thu hút đầu tư, một trong những vấn đề quan trọng và mang lại hiệu quả đó là cải thiện môi trường đầu tư, thông qua việc tăng cường công tác quản lý nhà nước. Đối với các biện pháp như đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đầu tư đổi mới công nghệ và các hỗ trợ từ ngân sách khác... để cải thiện môi trường đầu tư cần phải có nguồn kinh phí và phải tốn rất nhiều kinh phí, sau thời gian dài mới phát huy hiệu quả. Do đó, cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính. Bên cạnh đó thực hiện “Minh bạch hóa cơ chế, chính sách”. Việc minh bạch hóa cũng là một trong những biện pháp mạnh, nhằm công khai, cụ thể hoá chính sách (trong đó có những chính sách phát triển các ngành công  
an chế những nhiễu, tiết

kiệm thời gian và chi phí cho các nhà đầu tư.

+ Đổi mới công tác vận động, xúc tiến đầu tư, trong đó coi trọng công tác vận động, xúc tiến đầu tư vào ngành công nghiệp cơ khí. Đối với ngành công nghiệp cơ khí, việc tổ chức xúc tiến đầu tư phải được xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể các danh mục dự án cần tập trung xúc tiến kêu gọi đầu tư. Bên cạnh việc kêu gọi thu hút đầu tư các dự án có công nghệ hiện đại, cần tập trung vào các dự

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

Những năm tới cần tiếp tục kêu gọi thu hút các dự án sản xuất lắp ráp để thúc đẩy ngành công nghiệp cơ khí phụ trợ phát triển, từng bước nâng cao giá trị gia tăng của ngành.

*- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trên địa bàn tiếp tục đầu tư, phát triển sản xuất, nâng cao năng lực sản xuất ngành công nghiệp cơ khí.*

Giai đoạn 2001 –

huy hết công suất. Bên c

đăng ký hoặc đang có chiến lư

ã phát

huy hết công suất đầu tư. Do đó, khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư vốn (nuôi dư

ành công nghiệp cơ khí tiếp tục

phát triển.

Để thực hiện đ

“Chính

ới với ngành công nghiệp cơ

ất, thuế, xuất nhập khẩu...), về

ốc, giao thông,

ở công nhân và

các vấn đề có liên quan như đưa rước công nhân, đào tạo nguồn nhân lực...

*- Huy động mọi nguồn vốn trong nước để đầu tư, phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới.*

phát triển ngành công nghiệp cơ khí giai đoạn 2006 – 2010, nguồn vốn đầu tư

ốc hiện nay tập trung cho ngành công

ng nghiệp cơ khí chủ yếu dựa vào:

+ *Nguồn tích lũy (vốn tự có):*

chiếm khoảng 8% so to  
chưa cao. Với số vốn và hiệu quả như v  
nghiệp trong nước, thiếu vốn vẫn là khó khăn thường xuyên của đa số các  
doanh nghiệp. Tuy nhiên, ngu  
nghiệp và đảm bảo mang lại hiệu quả cao hơn các nguồn vốn khác, do đó các  
nguồn tích lũy phục vụ tái đầu tư.

phần nào vốn lưu động hoặc đầu tư

nh  
trước mắt về vốn.

+ *Nguồn cổ phần hoá, thị trường chứng khoán*: Hiện nay khả năng huy  
 ắc thành lập những công

ty c  
cho các dự án loại vừa và hiện tại cũng chưa hấp dẫn các nhà đầu tư chứng  
khoán. Tuy nhiên, đây là m à các  
nước phát triển đã và đang thực hiện. Xu hướng những năm tới, nguồn vốn  
này là m à phát triển sản xuất  
ợc thị trường này, bản thân các doanh  
nghiệp cần phải lựa chọn cho mình một chiến lược phát triển (từ quy mô đầu tư,  
sản phẩm, thương hi ày.

+ *Nguồn vốn tín dụng ngân hàng*: Khả năng cung ứng của nguồn này hi ột trong những nguồn chính hiện nay. Từ th ạn 2006-2010 nguồn vốn tín dụng vẫn đóng vai tr trong nư

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

tiếp cận được các nguồn vốn này.

***3.3.1.3. Giải pháp về công nghệ***

Ngành cơ khí Việt Nam mặc dù đã được đầu tư hơn trong những năm gần đây nhưng hầu hết cơ sở vật chất vẫn còn lạc hậu so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Do vậy, Nhà nước cần đầu tư thích đáng cho nghiên cứu và phát triển để tạo ra những sản phẩm có sức cạnh tranh cao, được thị trường chấp nhận. Việt Nam cần đánh giá đúng vai trò của hoạt động này trong từng giai đoạn cụ thể, coi việc đầu tư hỗ trợ cho công tác nghiên cứu và phát triển là những hình thức trợ cấp không bị cấm theo quy định của WTO nhằm tạo lập môi trường thích hợp cho việc đổi mới công nghệ, ứng dụng rộng rãi công nghệ mới ở Việt Nam.

Để các doanh nghiệp có nguồn kinh phí cho hoạt động R&D, Nhà nước cần xuất cơ khí được trích từ 1-2% doanh số bán ra cho R&D, chi phí này được tính vào giá thành sản phẩm. Ngoài ra, vào một số vấn đề sau:

▲ Khuyến khích chuyển giao, đầu tư công nghệ hiện đại, tiên tiến phục vụ chiến lược phát triển công nghiệp cơ khí nhất là công nghệ được chuyển giao từ các nước phát triển hoặc các tập đoàn sản xuất cơ khí nổi tiếng thế giới, ưu tiên công nghệ EU, Mỹ, Nhật Bản. Nhà nước cần tăng cường đầu tư về mọi mặt cho các hoạt động nghiên cứu phát triển ngành công nghiệp cơ khí.

▲ Các doanh nghiệp cơ khí trên địa bàn nhất là các doanh nghiệp Nhà nước thuộc ngành cơ khí thực phẩm... đã có sản phẩm chiến lược, sản phẩm xuất khẩu... cần thực hiện chuyên môn hóa sản xuất, hình thành phân xưởng chuyên môn hóa cho từng loại sản phẩm

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

đến năm 2010, khi nhu cầu thị trường tăng cao có thể thành lập xí nghiệp chuyên môn hóa (hiện nay đã có các công ty, xí nghiệp chuyên môn hóa sản xuất linh kiện, phụ tùng ô tô, xe gắn máy thuộc dự án có vốn đầu tư nước ngoài).

▲ Hiện tại, tất cả các doanh nghiệp cơ khí quốc doanh trong nước chỉ sử dụng khoảng 20 thiết bị NC, CNC, PLC trên tổng số 560 máy móc thiết bị công nghệ, chỉ chiếm 2,9% - một con số quá khiêm tốn để thực hiện tự động hóa trong 2006 – 2010 tiếp tục đẩy mạnh đổi mới công nghệ và thiết bị theo hướng tự động hóa, kết hợp giữa cơ khí với điện tử - tin học, trước mắt là ở các nguyên công, công đoạn có tính quyết định đến chất lượng sản phẩm làm ra để sau năm 2010 hình thành các dây chuyền (hoặc công đoạn) tự động hóa lắp ráp kiểm tra tổng thành hoàn chỉnh. Mức độ tự động hóa phải từ 90 – 100%, đảm bảo thay thế tất cả các thao tác phức tạp trên thiết bị cho người lao động.

▲ Khuyến khích chuyển giao công nghệ, đầu tư công nghệ hiện đại phục vụ chương trình sản xuất ô tô và linh kiện phụ tùng ô tô đặc biệt là động cơ, hộp số, hệ thống truyền động, hệ thống lái - chuyển hướng, các loại phụ tùng có độ phức tạp cao trong ô tô. Nhà nước cần hỗ trợ kinh phí chuyển giao công nghệ cho các dự án sản xuất động cơ, hộp số, cụm truyền động và các loại phụ tùng có độ phức tạp trong ô tô nếu công nghệ được chuyển giao từ các hãng ô tô nổi tiếng thế giới. Tăng cường đầu tư cho hoạt động nghiên cứu phát triển trong công nghiệp ô tô.

▲ Các doanh nghiệp được hỗ trợ xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý

chất lượng, xuất xứ hàng hoá, giải pháp hữu ích và sáng chế, xây dựng thương mại điện tử theo mô hình B2C, xây dựng Website...).

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

3.3.1.4 Giải pháp về nguồn nhân lực

ời là yếu tố quyết định  
đến dự th  
khi tham gia sâu vào thị trường các sản phẩm cơ khí khu vực và quốc tế,  
nguồn nhân lực điều hành các ho  
nghiệp cần có đủ trình độ về kỹ thuật, trình độ ngoại ngữ và kỹ năng quản lý  
kinh tế hiện đại.

đẩy mạnh chế tạo các loại linh kiện, phụ tùng phục vụ sửa chữa thay thế cho  
ơ khí nông  
nghiệp, ô tô - xe gắn máy, cơ khí xây dựng, cơ khí tiêu dùng và cơ khí dệt  
may, từng b  
việc áp  
d  
ù hợp với đặc điểm và con  
ngư  
ợng cao, tham gia bình  
đẳng vào thị trường thế

▲ Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đầu  
ngành, đủ sức chỉ đạo thực hiện các công trình nghiên cứu thiết kế, chế tạo có  
tầm cỡ trong ngành công nghiệp cơ khí. Đây là yếu tố rất quan trọng để đảm  
bảo sự phát triển độc lập, vững chắc và ổn định của công nghiệp cơ khí.

▲ Nguồn nhân lực chất lượng cao là cơ sở để có thể phát triển lĩnh vực  
gia công chế tạo linh kiện, phụ tùng và sản xuất, lắp ráp các sản phẩm cơ khí  
có chất lượng, đồng thời với giá nhân công rẻ và có trình độ sẽ là lợi thế để  
đẩy mạnh p cơ khí nhất là lĩnh vực gia  
công chế tạo linh kiện, phụ tùng trong tương lai. Do đó cần hỗ trợ kinh phí  
cho công tác nghiên cứu thiết kế - chế tạo sản phẩm mới, cải tiến đổi mới

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

công nghệ sản xuất, liên kết hợp tác giữa các Viện, Trung tâm nghiên cứu chuyên ngành với các cơ sở sản xuất để có thể ứng dụng nhanh chóng các kết quả nghiên cứu thiết kế vào sản xuất tiêu thụ.

▲ Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan, giữa cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp sản xuất cơ khí theo từng vùng kinh tế trọng điểm và các Bộ ngành Trung ương trong lĩnh vực đào tạo, huấn luyện về các mặt: Đổi mới chương trình đào tạo, máy móc trang thiết bị huấn luyện nghề, chia sẻ thông tin, việc làm ...

▲ Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực cho các trường công nhân kỹ thuật, trung tâm dạy nghề đi đôi với việc đổi mới chương trình và nội dung đào tạo cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của ngành cơ khí, cần chú trọng các nghề điều khiển học và gia công chính xác... Công tác đào tạo huấn luyện nghề luôn là vấn đề cần thiết và cấp bách để có thể vừa hướng nghiệp cho những thanh niên chưa đủ khả năng vào đại học, vừa có nguồn nhân lực được đào tạo cơ bản để cung cấp cho công nghiệp cơ khí cũng như toàn ngành công nghiệp.

▲ Tăng số lượng học bổng và nâng số kinh phí cho từng học bổng cho đào tạo công nhân kỹ thuật. Hiện nay, một số trường công nhân kỹ thuật là nơi đào tạo công nhân kỹ thuật tạo một công nhân bậc 3/7 trong 3 năm tốn 3,2 triệu đồng, sẽ tăng lên 4,3 triệu đồng giai đoạn 2006 – 2010. Sau năm 2010 sẽ đạt 16 triệu đồng tương đương 1.000USD/đầu học sinh mới có thể đáp ứng được sự phát triển vượt bậc của ngành công nghiệp cơ khí.

▲ Nghiên cứu giải pháp quan trọng mang lại hiệu quả tốt. Tăng cường cử cán bộ và công nhân kỹ thuật ra nước ngoài học tập bồi dưỡng để mang kiến thức khoa học kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, phương pháp quản lý tiên tiến, có tác phong công nghiệp hiện đại về phục vụ cho sự nghiệp CNH – HĐH nước nhà.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

3.3.1.5. Giải pháp về tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp cơ khí vào chuỗi giá trị toàn cầu

Thực tế cho thấy, các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam hiện có quy mô nhỏ, vốn đầu tư hạn chế, trình độ công nhân kỹ thuật cơ khí trong cả nước. Hơn nữa, trình độ công nhân kỹ thuật cơ khí số chi tiết, phụ tùng máy móc thiết bị do cơ sở vật chất kỹ thuật không đảm bảo.

Tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp cơ khí sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm lựa chọn để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đảm bảo thị trường, năng lực sản xuất và xuất khẩu thiết bị toàn bộ ... Việc liên kết các doanh nghiệp cơ khí nước ngoài thành chuỗi giá trị là rất cần thiết.

Thông qua sự liên kết này, các doanh nghiệp cơ khí sẽ hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài sản xuất các sản phẩm cơ khí để tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu sang các nước khác. Đây là mô hình liên kết kinh tế được nhiều nước, nhiều tập đoàn trên thế giới áp dụng và đạt hiệu quả cao. Việc liên kết các doanh nghiệp cơ khí trong nước và ngay cả trên thị trường trong nước.

3.3.1.6 Giải pháp về cơ sở hạ tầng

cần có sự hỗ trợ

ngành công nghiệp cơ khí.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

dự khu công nghiệp Hồ Nai-  
chuyên ngành cơ khí, trong đó

ưu tiên thu hút đầu tư. Với chính sách ưu đãi chung của Nhà nước cho các địa

phí hạ tầng cạnh tranh... là động lực để thu hút ngành hàng này.

Giai đoạn 2006 –

(khoảng 150 – 200 ha

bồi thường giải tỏa và đầu tư hạ tầng hoàn chỉnh, cho thuê lại không vì mục  
đích kinh doanh để đảm bảo phí sử dụng hạ tầng có tính cạnh tranh cao.

Trong trư

hiện theo phương thức bù lãi suất cho nhà đầu tư vay vốn xây dựng cơ sở hạ  
tầng. Thời gian bù lãi suất được tính từ khi nhà đầu tư vay vốn đến khi ngân  
sách cân đối được vốn.

*ơ khí*

#### 3.3.2.1 Về phía Bộ Công Thương

▲ Hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm hạn chế việc nhập khẩu các sản  
phẩm kém chất lượng không an toàn với người sử dụng và sức khỏe cộng  
đồng, không phù hợp với đặc điểm thể hình và tập quán sử dụng của người  
Việt Nam trên cơ sở nội dung Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại  
(Hiệp định TBT) của WTO.

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

▲ Áp dụng và giám sát hoạt động cuarcow chế định giá công bằng cho tất cả các sản phẩm nhập khẩu để giảm thiểu khả năng khai gian, cạnh tranh không lành mạnh về giá.

▲ Ban hành các tiêu chí hỗ trợ đối với các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao thuộc chương trình xúc tiến đầu tư trên thị trường nước ngoài. Hỗ trợ quảng cáo, xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu.

---

▲ Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng đối với các sản phẩm trong nước.

▲ Xây dựng và ban hành Quy định về phương pháp tính tỉ lệ nội địa hóa sản phẩm để làm cơ sở xác định mức khuyến khích hỗ trợ trong đầu tư đối với các doanh nghiệp sản xuất cơ khí

▲ Hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách 50% chi phí chuyển giao công nghệ, mua bản quyền thiết kế, thuê chuyên gia nước ngoài để sản xuất cơ khí. Ưu tiên các dự án đầu tư có công nghệ cao xuất xứ từ các nước tiên tiến.

**3.3.2.3 Về phía Bộ Tài Chính**

▲ Tiếp tục cho vay với lãi suất ưu đãi đối với các dự án cơ khí trọng điểm đã được Chính phủ phê duyệt.

▲ Tạo điều kiện thuận lợi để mọi thành phần kinh tế được vay vốn cho vay để vốn nhanh chóng đến tay nhà đầu tư đặc biệt với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

▲ Áp dụng mức thuế nhập khẩu thỏa đáng (trong khuôn khổ lộ trình hội nhập cho phép) đối với các loại máy móc cơ khí trong nước đã sản xuất được và năng lực sản xuất đủ đáp ứng nhu cầu thị trường.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

▲ Miễn thuế cho các doanh nghiệp nhỏ đầu tư chế tạo máy móc hay phụ tùng máy đạt được thành tích cao mang tính đột phá trong công nghệ và có tính thực tiễn cao.

3.3.2.4 Về phía Bộ Kế Hoạch và đầu tư

▲ Hỗ trợ xác minh thông tin về đối tác nước ngoài cho các doanh nghiệp.

▲ Áp dụng mức ưu đãi cao nhất hiện hành cả Nhà nước đối với các dự án sản xuất các sản phẩm mũi nhọn.

▲ Ban hành chính sách khuyến khích đặc biệt đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài thuộc danh mục dự án được kêu gọi đầu tư.

▲ Kiểm tra và giúp đỡ các doanh nghiệp nước ngoài sản xuất sản phẩm cơ khí theo giấy phép kinh doanh và các quy định của pháp luật hiện hành.

---

Ở trực thuộc Trung ương.

▲ Tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án sản xuất, lắp ráp trên địa bàn tỉnh, thành phố mình (nếu có) và giám sát việc thực hiện các dự án theo nội dung đã xây dựng và đăng ký.

▲ Chỉ đạo các Sở, Ba, ngành chức năng phối hợp rà soát công tác đăng ký kinh doanh đối với các doanh nghiệp đăng ký ngành nghề kinh doanh sản xuất cơ khí, đảm bảo chặt chẽ, đúng pháp luật, phù hợp quy hoạch đã đề ra.

---

▲ Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức phối hợp giữa các doanh nghiệp cơ khí tham gia sản xuất, lắp ráp nhằm nâng cao tính hợp tác- liên kết và tính chuyên môn hóa trong từng sản phẩm cơ khí.

▲ Nghiên cứu, đề xuất với các cơ quan quản lý nhà nước các giải pháp phát triển ngành Công nghiệp cơ khí theo đúng Chiến lược và quy hoạch đã được duyệt.

***Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

## KẾT LUẬN

Trong khuôn khổ gần  
những nghiên cứu cũng nh

b  
nh  
nghiệp mũi nhọn này. Với ba chương được bố cục rõ ràng và sắp xếp theo  
ương I, em đã nêu lên sơ lược về sự  
phát triển Công nghiệp cơ khí Thế giới; Vai trò của ngành Công nghiệp này  
đến nền kinh tế Thế giới; C  
; Kinh nghiệm quốc tế của Hàn Quốc và Singapore đồng thời đưa ra Khái niệm  
Công nghiệp cơ khí và tiêu chí Quốc tế để đánh giá “Thế nào là Một nền  
Công nghiệp Cơ khí phát triển

Việt Nam liệu đã được coi là phát triển hay chưa ở Ch... ở khí Việt Nam và khắc phục yếu kém hiện tại qua các Giải pháp về chính sách, thị trường, nhân lực, công nghệ và một số Kiến nghị ở Chương III.

Qua toàn bộ bài Khóa luận, có thể nói rằng Hội nhập kinh tế quốc tế là một bu

từ khi ra đời với sự hỗ trợ dồi dào của Nhà nước mà đã có những bước phát triển mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy kinh tế và xã hội Việt Nam mới.

phẩm sản xuất chưa đáp ứng được yêu cầu về mặt kỹ thuật. Theo các chuyên gia đánh giá, có bốn điều kiện để có được ngành công nghiệp cơ khí phát triển là Khoa học Công nghệ, Vốn, Con người và chất lượng sản phẩm. Theo tính toán ngành Vốn và Con người.

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

Việt Nam đang trong quá trình CNH- HĐH đất nước, hội nhập kinh tế quốc  
tế thông qua thị trường Công  
nghiệp Việt Nam là một thị trường đầy tiềm năng. Con người Việt Nam được  
cho là khéo tay, chăm chỉ và có đầu óc sáng tạo. Nên hiện nay rất nhiều các  
doanh nghiệp sản xuất FDI đã tận dụng thế mạnh này để đầu tư các dây  
sản xuất trong nư  
ớc. Vấn đề khá lớn trong quá trình hội nhập. Mặc dù có tỷ lệ phát triển thành tố  
Công nghệ cao hơn so với các ngành Công nghiệp khác trong cả nước nhưng  
lĩnh vực này vẫn còn lạc hậu, cũ kỹ khiến  
lực lượng lao động và thị trường vẫn phải  
chịu thiệt thòi.

Hội nhập kinh tế quốc tế là cơ hội cho Việt Nam. Cơ hội  
trao đổi, giao lưu, học hỏi. Các doanh nghiệp cần nắm bắt cơ hội này để  
phát triển. Tuy nhiên, nó cũng đặt ra những thách thức. Để vượt qua  
những thách thức này, cần có những định  
hướng rõ ràng. Cần có những chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp  
nhỏ và vừa. Cần có những chính sách thu hút đầu tư nước ngoài.  
Cần có những chính sách khuyến khích đổi mới công nghệ.

Nhà nước cần có những chính sách hợp lý mà các doanh nghiệp cũng phải cải cách  
mình như nâng cao trình độ công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực... Từ đó sẽ dần  
hình thành được ngành công nghiệp c

Hy vọng b  
an sẽ có những chiến lư  
ợc đúng đắn. Tuy  
nhiên, do trình độ nghiên cứu còn hạn chế, không thể tránh khỏi những thiếu  
sót, em rất mong nhận được ý kiến của thầy cô và các bạn để hoàn thiện hơn  
nữa bài khóa luận này.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

### **I. TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT**

1. *Chiến lược phát triển Công nghiệp cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020*, Bộ Công Thương. Tháng 5-2002
2. Báo cáo phát triển ngành Công nghiệp thường niên, Bộ Công Thương.
3. *Đánh giá tác động của gia nhập WTO tới nền kinh tế Việt Nam. Sử dụng mô hình cân bằng tổng thể CGE*.- Viện chiến lược phát triển, tháng 2/2008
4. ThS. Phạm Thị Cải, *Giải pháp phát triển xuất khẩu một số sản phẩm cơ khí Việt Nam đến năm 2015*.
5. *Chiến lược phát triển ngành Công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn tới năm 2020* đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quyết định số 175/2004/QĐ-TTg ngày 03/12/2002.
6. Tạp chí cơ khí năm 2006, 2007, 2008.
7. *Việt Nam, đề xuất giải pháp phát triển Công nghiệp cơ khí trong giai đoạn 2000-2010*.- Hội Khoa học Kỹ thuật cơ khí Việt Nam, tháng 12/2000.
8. Đề án “*Phát triển ngành cơ khí đến năm 2010 phục vụ Công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn*”, phê duyệt tại quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 06/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).
9. Trần Văn Thọ (2005), *Biến động kinh tế Đông Á và con đường Công nghiệp hóa Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.
10. *Viện hợp tác nghiên cứu ASEAN (2001), Khu vực mậu dịch tự do và doanh nghiệp Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia.
11. *Hoàn thiện chiến lược phát triển Công nghiệp Việt Nam (2005)*, NXB Lý luận Chính trị Hà Nội.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

12. TS. Nguyễn Đình Trung, *Đánh giá trình độ Công nghệ ngành cơ khí chế tạo Việt Nam*, Viện nghiên cứu cơ khí (2005).
13. “*Khảo sát và đánh giá hiệu quả sản xuất của các Doanh nghiệp cơ khí thuộc Sở hữu Nhà nước và chuyên môn hóa theo lãnh thổ của vùng cơ khí trọng điểm Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh*”, Viện Khoa học Kỹ thuật Cơ khí Việt Nam, 2003.

## **II. TÀI LIỆU TIẾNG ANH.**

14. *- Experience of KHIC's Management.*
15. *policy of Vietnam.*
16. *Exports and Import of Taiwan General Machinery.*
- 17.
18. “*Technology content assesment*” of Technology Atlas Project of ESCAP.

## **III. CÁC TRANG WEB.**

19. <http://www.moi.gov.vn>
20. <http://www.mot.gov.vn>
21. <http://www.mof.gov.vn>
22. <http://www.encarta.com>
23. <http://www.saga.com.vn>
24. <http://www.vama.org.vn>
25. <http://www.vami.com.vn>
26. <http://www.wikipedia.org.vn>

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

**PHỤ LỤC**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Số: 10/2009/QĐ-TTg**

**----- 000 -----**

**Hà Nội, Ngày 16 tháng 01 năm 2009**

**QUYẾT ĐỊNH  
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 10/2009/QĐ-TTg  
NGÀY 16 THÁNG 01 NĂM 2009**

***Về cơ ch***

***à Danh***

***mục các sản phẩm c***

***ản xuất sản***

***phẩm***

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Quyết định số 186/2002/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn tới 2020;*

*Xét đề nghị của Bộ Công Thương tại văn bản số 9639/BCT-CNNg ngày 09 tháng 10 năm 2008 và ý ki*

*phát triển sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm và Danh mục các sản phẩm cơ khí trọng điểm, Danh mục dự án đầu tư sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**

**ơ khí trọng**

**điểm, Danh mục dự án đầu tư s**

**từ năm 2009 đến năm 2015, cụ thể như sau:**

**1. Chính sách tín dụng đầu tư:**

**- Các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm được vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nư**

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

m (tính theo năm) với lãi suất cho vay, thời hạn cho vay và th đầu tư của Nhà nước.

- Các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm có nhu cầu vay vốn nước ngoài được Chính phủ xem xét bảo lãnh vốn vay cho từng trường hợp cụ thể.
- Trư ớc về Chương trình sản phẩm cơ khí trọng điểm nghiên cứu, đề xuất cơ chế và chính sách tín dụng đầu tư cụ thể, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

## 2. Chính sách kích cầu:

- Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm hoặc mua sản phẩm cơ khí trọng điểm đư  
quy định của pháp luật hiện hành.

- điểm được vay vốn tín dụng Nhà nước quy định.

### 3. Chính sách đầu tư cho nghiên cứu và phát triển:

- ớc chế tạo
- công nghệ

ốc ngoài, đào tạo nguồn nhân lực.

- Nhà nư ờng thí nghiệm các sản phẩm cơ khí trọng điểm cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Ban Chỉ đạo nhà nước về Chương trình sản phẩm cơ khí trọng điểm nghiên cứu, đề xuất từng dự án đầu tư cụ thể, trình Thủ t

#### 4. Các chính sách về thuế, phí:

- ơ khí  
trọng điểm trong nước đã đầu tư sản xuất được áp dụng mức thuế suất trần,  
à Việt

Nam đã ký cam kết thực hiện với quốc tế.

- Các loại vật tư, thiết bị và đồ dùng tư sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm được áp dụng mức thuế

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng:**

Đối tượng được hưởng các chính sách hỗ trợ tại Điều 1 là sản phẩm cơ khí trọng điểm và dự án đầu tư sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm do các doanh nghiệp  
ành kèm theo Quyết định này.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện:**

1. Các Bộ: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân  
inh có trách nhiệm  
hư  
hiện các cơ chế, chính  
sách hỗ trợ nêu trên.

ương trình sản phẩm cơ khí  
trọng điểm trình Thủ tư  
bãi bỏ cơ chế, chính sách hỗ trợ và Danh mục các sản phẩm cơ khí trọng

**Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.**

Những quy định trước đây đối với các sản phẩm cơ khí trọng điểm và dự án sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm riêng biệt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vẫn tiếp tục thực hiện.

**Điều 5.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan  
ổ trực  
thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình sản phẩm c  
hành Quyết định này.

**THỦ TƯỚNG**

(Đã ký)

**Nguyễn Tấn Dũng**

*Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

## PHỤ LỤC 2

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 119/1999/NĐ-CP**

**Về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ**

# CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Đạt động khoa học và công nghệ sản phẩm và

hiệu quả sản xuất kinh doanh;

Theo đề nghị của Bộ trưởng

**NGHỊ ĐỊNH:**

## Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy đ ều kiện khích lệ các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ.

Hoạt động khoa học và công nghệ đư

định này bao gồm:

1. Hoạt động nghiên cứu- triển khai (bao gồm : nghiên cứu cơ bản, nghiên

óC;

2. ứng dụng các kết quả khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới;

- ### 3. Dịch vụ khoa học và công nghệ :

- a) Các dịch vụ đòi hỏi kỹ thuật cao như : Hướng dẫn lắp đặt và vận hành dây

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

thử nghiệm, phương tiện

khuyến tự động;

b) X

kiểm định và thử nghiệm;

d) Các ho

ền

ào sản xuất;

e) Các d

ào tạo cán bộ kỹ

thuật, bồi dư

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp d

ành phần kinh tế

hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

### *Chương II*

## **CHÍNH SÁCH VÀ CƠ CHẾ KHUYẾN KHÍCH**

ớc (sửa

nghệ dư

nhập thu được từ các hoạt động này như sau:

a) Thuế suất 25%;

đầu tư ở địa bàn có điều kiện kinh tế -

xã hội khó khăn;

ở địa bàn có điều kiện kinh tế -

xã hội đặc biệt khó khăn;

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp

đồng hợp tác kinh doanh hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

*Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

vụ khoa học và công nghệ đư

1. Miễn thuế thu nhập đối với các trường hợp sau :

a) Thu nh -triên khai;

xuất nông nghiệp;

c) Thu nh  
quy trình công nghệ.

2. Các doanh nghiệp thuộc diện ưu đãi theo quy định tại Nghị định này không  
ph  
quy đ

ốc (sữa

đôi) có dự án đầu tư vào ho

đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ được hưởng các ưu đãi như sau:

a) Đurđica đã đem của mình ra bán để có tiền mang lại;

b) Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn

thêm c  
tu mới này mang lại;

c) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được

nh  
theo do đầu tư mới này mang lại.

***Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

ớc ngoài tại Việt Nam có các dự

thuế thu nhập doanh nghiệp đ

30/1998/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 1998 quy định chi tiết thi hành Luật

**Điều 5. Ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất**

ốc (sữa

giao hoặc đất thuê để xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ;

a) Trường hợp đư

- Được giảm 50% tiền sử dụng đất;

b) Trường hợp thuê đất phải trả tiền thuê đất :

- [illegible]

- Nếu thuê đất tại địa b  
ược miễn tiền

- Nếu thuê đất tại địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn được

c) Trường hợp đư

***Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế***

- Đư ược giao đất;
- Nếu sử dụng đất được giao tại địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn đư ợc giao đất;
- Nếu sử dụng đất được giao tại địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó n thực hiện dự án.

**2. Nhà đầu tư theo Luật Đầu t**

òng thí nghiệm,  
xư ứu thí nghiệm, thực nghiệm thì đối  
với phần diện tích đất này, nhà đầu tư được hưởng ưu đãi theo quy định của  
pháp luật hiện hành về tiền thuê đất.

**Điều 6. Ưu đãi về thuế nhập khẩu**

ên vật liệu, thiết bị khoa học  
ờng và  
ứu- triển khai  
mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đáp ứng được yêu cầu  
được miễn thuế nhập khẩu.

**Điều 7. Ưu đãi về tín dụng**

ốc (sửa đổi)  
có các họ ày được vay vốn trung  
hạn và dài hạn với lãi suất ưu đãi, mức vốn vay được đáp ứng đến 70% số vốn  
đ  
khoa học và công nghệ .

Trong trường hợp doanh nghiệp đư ốn  
trung hạn và dài hạn tại Ngân hàng Đ  
được Quỹ hỗ trợ phát triển cấp bù khoản chênh lệch giữa lãi suất vay ưu đãi  
với lãi suất vay thông thường.

**Điều 8. Các chính sách khuyến khích khác**

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

ết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ do ngân sách Nhà nước đầu tư kinh phí (trừ các công nghệ thuộc bí mật về an ninh, quốc phòng và các đối tượng sở hữu công nghiệp đã nghiên cứu ra

công nghệ đó. Mức tiền phải trả th

công ngh

-CP ngày 01

tháng 7 năm 1998 c

2. Nhà nư

hi

ành nghề Nhà

nước ưu tiên khuyến kh

cơ quan khoa học thực hiện.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trư

khoa học công nghệ.

ốc được trích

ho

ơng cho cá nhân, tập thể trong và

u, tạo ra và tổ chức áp dụng

ầu tư lại cho hoạt động khoa

học và công nghệ do Giám đốc quyết định, nhưng mức thưởng không quá 60% số tiền đư

thu nhập tăng thêm.

### **Điều 9 . Thủ tục xét ưu đãi**

Thủ tục xét ưu đ

ợc điều chỉnh bởi Nghị

định này th

ớng dẫn thi hành Luật

khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi).

Trường hợp dự án có nhiều mức ưu đãi được quy định ở các văn bản pháp luật khác nhau thì chỉ được hưởng một mức ưu đãi cao nhất.

### Chương III

## Điều 10. Xử lý vi phạm

U

## Điều 11. Hướng dẫn thi hành

Bộ trưởng, Bộ trưởng Bộ Tài chính  
có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

## **Điều 12. Hiệu lực thi hành**

[illegible]

## Điều 13. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc  
ành phố trực thuộc Trung ương,

trách nhiệm thi hành Nghị định này. /.

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

**(Đã ký)**

**Phan Văn Khải**

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

## **LỜI CẢM ƠN**

Em xin bày tỏ lời cảm  
trường Đại học Ngoại Thương, đ  
ười đã dìu dắt em và truyền đạt cho  
em nh  
ờng.  
Em xin chân thành cảm  
ời đã  
trực tiếp hư  
thực hiện Khóa luận tốt nghiệp này.

Xin chân thành cảm ơn tất cả những người trong gia đình, bạn bè đã  
giúp đỡ và tạo mọi điều kiện để tôi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

***Hà Nội, tháng 05/2009***

Sinh Viên

Nguyễn Thùy Dương

## MỤC LỤC

|                                                                                                                 |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| LỜI NÓI ĐẦU .....                                                                                               | 1  |
| CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN LIÊN QUAN ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ.....                       | 5  |
| 1.1 . TỔNG QUAN VỀ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ THẾ GIỚI .....                                                      | 5  |
| 1.1.1 Vài nét sơ lược về quá trình phát triển công nghiệp cơ khí Thế giới.....                                  | 5  |
| 1.1.2 Những xu hướng chính trong ngành công nghiệp cơ khí Thế giới.....                                         | 7  |
| 1.1.3. Thương mại quốc tế trong ngành công nghiệp cơ khí Thế giới.....                                          | 10 |
| 1.2 TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ.....                                                     | 12 |
| 1.2.1 Khái niệm về ngành Công nghiệp cơ khí .....                                                               | 12 |
| 1.2.2 Một số tiêu chí đánh giá sự phát triển Công nghiệp cơ khí .....                                           | 14 |
| 1.2.2.1 Tiêu chí về khoa học Công nghệ.....                                                                     | 15 |
| 1.2.2.2 Tiêu chí về vốn.....                                                                                    | 17 |
| .....                                                                                                           | 18 |
| 1.2.2.4 Tiêu chí về Chất lượng sản phẩm cơ khí.....                                                             | 18 |
| 1.3 SỰ CẦN THIẾT PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ .....                                                      | 19 |
| 1.4 CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NỀN CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ ..... | 22 |
| 1.4.1 Tiến trình hội nhập của ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam .....                                           | 22 |
| 1.4.1.1 Cam kết trong hiệp định thương mại Việt Nam- Hoa Kỳ .....                                               | 22 |
| 1.4.1.2 Cam kết trong khu vực Hiệp định mậu dịch tự do ASEAN.....                                               | 23 |
| 1.4.1.3 Cam kết trong khu vực thương mại tự do ASEAN- Trung Quốc .....                                          | 24 |
| 1.4.1.4 Cam kết với Tổ chức Thương mại Thế Giới WTO.....                                                        | 24 |
| 1.4.2 Cơ hội và thách thức đối với ngành công nghiệp cơ khí Việt nam trong .....                                | 23 |
| 1.4.2.1 Cơ hội đối với ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam .....                                                  | 25 |
| 1.4.2.2 Thách thức đối với ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam .....                                              | 27 |
| 1.5 KINH NGHIỆM QUỐC TẾ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ .....                                                     | 28 |
| 1.5.1 Kinh nghiệm của Singapore .....                                                                           | 28 |
| 1.5.2 Kinh nghiệm của Hàn Quốc.....                                                                             | 32 |

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

**CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ** 36

**2.1 SƠ LƯỢC VỀ SỰ RA ĐỜI VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ VIỆT NAM**.....36

**2.1.1 Thời kỳ trước năm 1975** .....36

**2.1.2 Thời kỳ từ năm 1976 đến năm 1990** .....39

**2.1.3 Thời kỳ từ năm 1991 đến 2006**.....40

**2.2 THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ TỪ KHI GIA NHẬP WTO ĐẾN NAY** .....42

**2.2.1 Thực trạng phát triển chất lượng sản phẩm Công nghiệp cơ khí Việt Nam**.....42

**2.2.2 Thực trạng phát triển Khoa học Công nghệ của ngành cơ khí Việt Nam**

**2.2.3 Thực trạng đầu tư Vốn cho ngành Công nghiệp cơ khí Việt Nam**... .....45

**2.2.4 Thực trạng phát triển nguồn nhân lực trong ngành Cơ khí Việt Nam** .....48

**2.3 THỰC TRẠNG THỊ TRƯỜNG CƠ KHÍ TRONG GIAI ĐOẠN HỘI**

**2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG**.....65

**2.4.1 Kết quả đạt được** .....65

**2.4.2 Một số tồn tại** .....67

**CHƯƠNG III: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ ĐẾN NĂM 2020** .....70

**3.1 DỰ BÁO KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ VIỆT NAM** ....70

**3.1.1 Dự báo khả năng phát triển trong nước** .....70

**3.1.2 Dự báo khả năng xuất khẩu** .....73

**3.2 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ ĐẾN NĂM 2020**... 74

**3.2.1 Quan điểm phát triển ngành cơ khí**.....74

**3.2.2 Định hướng phát triển ngành cơ khí đến năm 2015 và tầm nhìn đến**

**3.3 GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ VIỆT NAM**.....81

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

|                                                                                                          |                           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| <b>3.3.1 Các giải pháp phát triển Công nghiệp cơ khí.....</b>                                            | <b>81</b>                 |
| 3.3.1.1 Giải pháp về thị trường.....                                                                     | 81                        |
| 3.3.1.2 Giải pháp tạo vốn cho ngành công nghiệp cơ khí.....                                              | 84                        |
| 3.3.1.3 Giải pháp về công nghệ.....                                                                      | 88                        |
| 3.3.1.4 Giải pháp về nguồn nhân lực.....                                                                 | 90                        |
| 3.3.1.5 Giải pháp về tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp cơ khí vào chuỗi giá trị toàn cầu ..... | 92                        |
| 3.3.1.6 Giải pháp về cơ sở hạ tầng .....                                                                 | 92                        |
| <b>3.3.2 Các Kiến nghị phát triển công nghiệp cơ khí .....</b>                                           | <b>93</b>                 |
| 3.3.2.1 Về phía Bộ Công Thương .....                                                                     | 93                        |
| 3.3.2.2 Về phía Bộ Khoa học và Công nghệ .....                                                           | 94                        |
| 3.3.2.3 Về .....                                                                                         |                           |
| 3.3.2.4 Về phía Bộ Kế Hoạch và đầu tư.....                                                               | 95                        |
| 3.3.2.5 Về phía .....                                                                                    | trực thuộc Trung ương. 95 |
| 3.3.2.6 Về phía hiệp hội các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam .....                                          | 95                        |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>                                                                                    | <b>96</b>                 |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>                                                                 | <b>98</b>                 |
| <b>PHỤ LỤC</b>                                                                                           |                           |

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

**DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

| <b>Từ Viết tắt</b> | <b>Tiếng Anh</b>                          | <b>Tiếng Việt</b>                           |
|--------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------|
| <b>ASEAN</b>       | Asia South East Nation                    | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á            |
| <b>ACFTA</b>       | Ascan- China Free Trade Area              | Khu vực mậu dịch tự do Ascan- Trung Quốc    |
| <b>AFTA</b>        | Asean Free Trade Area                     | Khu vực mậu dịch tự do Asean                |
| <b>AIADA</b>       | American International Automobile Dealers | Hiệp hội các đại lý tiêu thụ xe Mỹ          |
| <b>BTA</b>         | Bilateral Trade Agreement                 | Hiệp định thương mại Việt Mỹ                |
| <b>CNC</b>         | Computerized Numerical Control            | Điều khiển bằng máy tính                    |
| <b>CEPT</b>        | Common Effective Preferential Tariff      | Thuế quan có hiệu lực                       |
| <b>DWT</b>         | Displacement Weight Tonnage               | Khối lượng thay thế trọng lượng tương đương |
| <b>DTNN</b>        |                                           | Đầu tư nước ngoài                           |
| <b>EDM</b>         | Electrical Discharge machining            | Gia công tia lửa điện                       |
| <b>EPC</b>         | Engineering Procurement Construction      | Hợp đồng tổng thầu Xây dựng                 |
| <b>FDI</b>         | Foreign Direct Investment                 | Dầu tư trực tiếp nước ngoài                 |
| <b>IEC</b>         | International Electrical Comission        | Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế                |
| <b>ISO</b>         | International Standard Organization       | Tổ chức đánh giá tiêu chuẩn Quốc Tế         |
| <b>MFN</b>         | Most Favoured Nation                      | Nguyên tắc tối huệ quốc                     |
| <b>R&amp;D</b>     | Research and Development                  | Nghiên cứu và phát triển                    |
| <b>RPT</b>         | Rapid Prototyping Technology              | Máy tạo mẫu nhanh                           |
| <b>TCVN</b>        |                                           | Tiêu chuẩn Việt Nam                         |
| <b>USD</b>         | United State Dolla                        | Đô la Mỹ                                    |
| <b>VDA</b>         | Verband der Automobilindustrie            | Tiêu chuẩn kỹ thuật Đức                     |
| <b>VAMA</b>        | Vietnam Automobile Association            | Hiệp hội Ô tô Việt Nam                      |
| <b>WJC</b>         | Water Jet Cutting                         | Máy gia công tia nước                       |
| <b>WTO</b>         | World Trade Organization                  | Tổ chức Thương mại Thế giới                 |



*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

## **MỤC LỤC**

|                                                                                                                 |          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| <b>LỜI NÓI DẦU .....</b>                                                                                        | <b>1</b> |
| <b>CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN LIÊN QUAN ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ.....</b>                | <b>5</b> |
| 1.1 . TỔNG QUAN VỀ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ THẾ GIỚI .....                                                      | 5        |
| 1.1.1 Vài nét sơ lược về quá trình phát triển công nghiệp cơ khí Thế giới.....                                  | 5        |
| 1.1.2 Những xu hướng chính trong ngành công nghiệp cơ khí Thế giới.....                                         | 7        |
| 1.1.3. Thương mại quốc tế trong ngành công nghiệp cơ khí Thế giới.....                                          | 10       |
| 1.2 TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ.....                                                     | 12       |
| 1.2.1 Khái niệm về ngành Công nghiệp cơ khí .....                                                               | 12       |
| 1.2.2 Một số tiêu chí đánh giá sự phát triển Công nghiệp cơ khí .....                                           | 14       |
| 1.2.2.1 Tiêu chí về khoa học Công nghệ.....                                                                     | 15       |
| 1.2.2.2 Tiêu chí về vốn.....                                                                                    | 17       |
| .....                                                                                                           | 18       |
| 1.2.2.4 Tiêu chí về Chất lượng sản phẩm cơ khí.....                                                             | 18       |
| 1.3 SỰ CẦN THIẾT PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ .....                                                      | 19       |
| 1.4 CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NỀN CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ ..... | 22       |
| 1.4.1 Tiến trình hội nhập của ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam .....                                           | 22       |
| 1.4.1.1 Cam kết trong hiệp định thương mại Việt Nam- Hoa Kỳ .....                                               | 22       |
| 1.4.1.2 Cam kết trong khu vực Hiệp định mậu dịch tự do ASEAN.....                                               | 23       |
| 1.4.1.3 Cam kết trong khu vực thương mại tự do ASEAN- Trung Quốc .....                                          | 24       |
| 1.4.1.4 Cam kết với Tổ chức Thương mại Thế Giới WTO.....                                                        | 24       |
| 1.4.2 Cơ hội và thách thức đối với ngành công nghiệp cơ khí Việt nam trong .....                                | 23       |
| 1.4.2.1 Cơ hội đối với ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam .....                                                  | 25       |
| 1.4.2.2 Thách thức đối với ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam .....                                              | 27       |
| 1.5 KINH NGHIỆM QUỐC TẾ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ .....                                                     | 28       |
| 1.5.1 Kinh nghiệm của Singapore .....                                                                           | 28       |
| 1.5.2 Kinh nghiệm của Hàn Quốc. ....                                                                            | 32       |

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

**CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ** 36

**2.1 SƠ LƯỢC VỀ SỰ RA ĐỜI VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ VIỆT NAM**.....36

**2.1.1 Thời kỳ trước năm 1975** .....36

**2.1.2 Thời kỳ từ năm 1976 đến năm 1990** .....39

**2.1.3 Thời kỳ từ năm 1991 đến 2006**.....40

**2.2 THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ TỪ KHI GIA NHẬP WTO ĐẾN NAY** .....42

**2.2.1 Thực trạng phát triển chất lượng sản phẩm Công nghiệp cơ khí Việt Nam**.....42

**2.2.2 Thực trạng phát triển Khoa học Công nghệ của ngành cơ khí Việt Nam**

**2.2.3 Thực trạng đầu tư Vốn cho ngành Công nghiệp cơ khí Việt Nam**... .....45

**2.2.4 Thực trạng phát triển nguồn nhân lực trong ngành Cơ khí Việt Nam** .....48

**2.3 THỰC TRẠNG THỊ TRƯỜNG CƠ KHÍ TRONG GIAI ĐOẠN HỘI**

**2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG**.....65

**2.4.1 Kết quả đạt được** .....65

**2.4.2 Một số tồn tại** .....67

**CHƯƠNG III: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ ĐẾN NĂM 2020** .....70

**3.1 DỰ BÁO KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ VIỆT NAM** ....70

**3.1.1 Dự báo khả năng phát triển trong nước** .....70

**3.1.2 Dự báo khả năng xuất khẩu** .....73

**3.2 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ ĐẾN NĂM 2020**... 74

**3.2.1 Quan điểm phát triển ngành cơ khí**.....74

**3.2.2 Định hướng phát triển ngành cơ khí đến năm 2015 và tầm nhìn đến**

**3.3 GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ VIỆT NAM**.....81

*Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội      Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế*

|                                                                                                          |                           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| <b>3.3.1 Các giải pháp phát triển Công nghiệp cơ khí.....</b>                                            | <b>81</b>                 |
| 3.3.1.1 Giải pháp về thị trường.....                                                                     | 81                        |
| 3.3.1.2 Giải pháp tạo vốn cho ngành công nghiệp cơ khí.....                                              | 84                        |
| 3.3.1.3 Giải pháp về công nghệ.....                                                                      | 88                        |
| 3.3.1.4 Giải pháp về nguồn nhân lực.....                                                                 | 90                        |
| 3.3.1.5 Giải pháp về tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp cơ khí vào chuỗi giá trị toàn cầu ..... | 92                        |
| 3.3.1.6 Giải pháp về cơ sở hạ tầng .....                                                                 | 92                        |
| <b>3.3.2 Các Kiến nghị phát triển công nghiệp cơ khí .....</b>                                           | <b>93</b>                 |
| 3.3.2.1 Về phía Bộ Công Thương .....                                                                     | 93                        |
| 3.3.2.2 Về phía Bộ Khoa học và Công nghệ .....                                                           | 94                        |
| 3.3.2.3 Về .....                                                                                         |                           |
| 3.3.2.4 Về phía Bộ Kế Hoạch và đầu tư.....                                                               | 95                        |
| 3.3.2.5 Về phía .....                                                                                    | trực thuộc Trung ương. 95 |
| 3.3.2.6 Về phía hiệp hội các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam .....                                          | 95                        |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>                                                                                    | <b>96</b>                 |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>                                                                 | <b>98</b>                 |
| <b>PHỤ LỤC</b>                                                                                           |                           |